

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU
(COMECO)**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2008
(01/01/2008 - 31/12/2008)**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4/2009

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
<i>Thư gửi cổ đông của Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	3
<i>Thông tin chính về COMECO</i>	5
Phần 1. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
I. Những sự kiện quan trọng	6
II. Quá trình phát triển	7
III. Định hướng phát triển	10
Phần 2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
I. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động năm 2008	11
II. Tình hình thực hiện so với kế hoạch 2008	12
III. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2008	12
IV. Các rủi ro lớn và biện pháp phòng ngừa	13
V. Triển vọng và kế hoạch đến năm 2011	14
Phần 3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	15
I. Báo cáo tình hình tài chính năm 2008	15
II. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2008	17
III. Những tiến bộ Công ty đã đạt được năm 2008	18
IV. Kế hoạch phát triển năm 2009	18
Phần 4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2008	21
Phần 5. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ B/CÁO KIỂM TOÁN	40
I. Kiểm toán độc lập	40
II. Báo cáo của Ban Kiểm soát	40
Phần 6. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	42
Phần 7. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	44
I. Cơ cấu tổ chức của Công ty	44
II. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Điều hành	45
III. Số lượng CB.CNV và chính sách đối với NLD	45
IV. Thay đổi thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS, KTT	46
Phần 8. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	47
I. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	47
II. Các dữ liệu thống kê về cổ đông	53
III. Diễn biến giá cổ phiếu COM năm 2008	54
IV. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội của COMECO trong năm 2008	55

THƯ GỬI CỔ ĐÔNG CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2008, thực sự đã đánh dấu một cột mốc quan trọng trong lịch sử 33 năm hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO). **33 năm** qua, với trách nhiệm và sự phấn đấu không mệt mỏi của mình, COMECO đã tạo dựng được một nền móng vững chắc để phát triển. Sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo và CB.CNV Công ty đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận và trao tặng nhiều danh hiệu cao quý. Đặc biệt năm 2008 COMECO đã vinh dự được **Chủ tịch Nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng ba** và **Bộ Công thương trao tặng Giải thưởng “Doanh nghiệp phát triển bền vững”** lần thứ I. Đây là mốc son chói lọi trong chặng đường hơn 33 năm hoạt động (1975-2008) và 8 năm sau cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (2001-2008).

Trong bối cảnh những biến động bất lợi ngoài tầm dự đoán như vừa qua của kinh tế toàn cầu cùng với tình hình lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) gia tăng, giá xăng dầu biến động liên tục, giá chứng khoán liên tục giảm đã ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty. Nhưng với Hoài bão : **“COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ”** và Tâm nhìn chiến lược trở thành thương hiệu **“Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam (trực chính là xăng dầu)”**, COMECO đã và đang liên tục mở rộng, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt được nhiều thành tựu như sau :

- Có thể nói, COMECO là một đơn vị cổ phần phát triển ổn định và bền vững với doanh thu tăng gần 8 lần (3.071 tỷ đồng/ 394 tỷ đồng), lợi nhuận sau thuế tăng khoảng 6 lần (19 tỷ đồng/ 3,2 tỷ đồng) so với trước khi CPH doanh nghiệp (năm 2000); **đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 25 %/năm**. Đây là thành quả đáng khích lệ đối với một Doanh nghiệp cổ phần hóa hoạt động trong điều kiện nền kinh tế thị trường có nhiều áp lực từ đối thủ cạnh tranh, cổ đông, nhà đầu tư, đối tác và người lao động.

- Các dự án đầu tư : Tổng kho Xăng dầu COMECO, Cao ốc Văn phòng COMECO đang được triển khai thực hiện. Bên cạnh đó lĩnh vực đầu tư mạng lưới kinh doanh bán lẻ xăng dầu vẫn là lĩnh vực được chú trọng nhất đối với COMECO, từ 19 Chi nhánh bán lẻ xăng dầu (năm 2000) đến nay (2008) COMECO đã có 28 Chi nhánh và hiện đang tiếp tục triển khai xây dựng thêm hai Chi nhánh mới.

- Với gần 200 tỷ đồng thu được trong đợt phát hành thành công 4,6 triệu cổ phần vào cuối năm 2007- đầu 2008, COMECO có thể khẳng định rằng : Năng lực tài chính của COMECO hoàn toàn chủ động cho hoạt động kinh doanh và cho các dự án đầu tư.

- COMECO đã đưa công nghệ thông tin vào sử dụng trong quản lý điều hành và thu thập xử lý thông tin bên ngoài phục vụ cho công tác dự báo nhằm giảm thiểu tối đa các rủi ro trong kinh doanh.

- Hệ thống Quản lý Chất lượng liên tục cải tiến và ngày càng hoàn thiện, COMECO trở thành doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên chuyển đổi thành công Hệ thống Quản lý Chất

lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 sang Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008 và đã được tổ chức đánh giá Bureau Veritas Certification (BVQI) Vương Quốc Anh đánh giá, cấp Giấy chứng nhận vào tháng 12/2008. Triển khai áp dụng công cụ 5S trong toàn Công ty.

- Thương hiệu COMECO đã trở thành một thương hiệu mạnh trong lĩnh vực kinh doanh bán lẻ xăng dầu tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sự thành công trong việc xây dựng, phát triển thương hiệu được xuất phát từ xây dựng nền văn hóa COMECO với : “Bản sắc nhân văn - đề cao giá trị đạo đức truyền thống” và Triết lý kinh doanh : “Đại gia đình COMECO - Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung”.

- Nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu về quản lý và có khả năng tiếp nhận, nắm bắt được các mô hình quản lý và công nghệ tiên tiến. COMECO coi quản trị nguồn nhân lực là tài sản quý báu nhất trong chiến lược phát triển bền vững của mình. Chương trình tuyển chọn, đào tạo và đào tạo lại giúp Công ty có một đội ngũ lãnh đạo các cấp đầy đủ bản lĩnh và năng lực cùng với đội ngũ công nhân có kinh nghiệm, tận tâm và chuyên nghiệp.

Những thành tựu trên là sự kết tinh của tinh thần đoàn kết, làm việc trách nhiệm – sáng tạo, cùng hướng về mục tiêu chung của tập thể CB.CNV Công ty; cộng với Chiến lược đúng; Hệ thống Quản lý tiên tiến, phù hợp và một nền Văn hóa mạnh, đậm đà bản sắc nhân văn của COMECO. COMECO đã trải qua một quá trình cất cánh rất ngoạn mục, với bước chuyển mình mạnh mẽ cùng Slogan “**COMECO vì khách hàng phục vụ**” và chủ trương điều hành linh hoạt kịp thời, đổi mới mang tính đột phá, tạo nên nền tảng vững chắc để COMECO sẵn sàng, tự tin bước vào giai đoạn tăng tốc mới – phát triển và hội nhập.

Với khát vọng vươn lên của Đại gia đình COMECO, chúng ta hoàn toàn có thể tin tưởng vào tương lai tươi sáng của COMECO. COMECO chắc chắn sẽ trở thành doanh nghiệp cổ phần hoạt động hiệu quả tiêu biểu, đầy tiềm năng và mang đậm dấu ấn của tinh thần đổi mới trong công cuộc cổ phần hóa DNNN của Chính phủ Việt Nam, đồng thời COMECO cũng khẳng định được uy tín và vị thế cạnh tranh trong tiến trình hội nhập với nền kinh tế quốc tế, đóng góp vào sự phát triển của TP. Hồ Chí Minh nói riêng và của nền kinh tế cả nước nói chung.

Cuối cùng, thay mặt cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và gần 500 CB.CNV COMECO tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, Quý khách hàng, các đối tác đã đặt niềm tin vào sự hợp tác với COMECO; cảm ơn các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã giúp đỡ COMECO trong suốt chặng đường qua. Đồng thời, cho phép tôi thay mặt Ban Lãnh đạo COMECO xin chân thành cảm ơn toàn thể CB.CNV COMECO qua nhiều thế hệ đã đồng cam cộng khổ vượt qua khó khăn, thách thức trong hơn 33 năm qua để đưa COMECO phát triển bền vững như ngày hôm nay.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trương Đức Hạnh

THÔNG TIN CHÍNH VỀ COMECO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU (COMECO) MATERIALS - PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY

Logo

- * **Địa chỉ** : 11 Cao Bá Nhạ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- * **Điện thoại** : (84-8) 39.200.123 – 39.200.357
- * **Fax** : (84-8) 39.202.296
- * **Email** : comecopetro@hcm.vnn.vn
- * **Website** : <http://www.comeco.com.vn>
- * **Ngày thành lập** : **13-12-1975**
- * **Thời điểm cổ phần hóa** : 13-12-2000
- * **Giấy CNĐKKD số** : 4103000236, cấp ngày 13-12-2000
- * **Mã Chứng khoán** : COM
- * **Ngày niêm yết** : 07-8-2006
- * **Logo** :
 - Giọt dầu làm biểu tượng;
 - Màu cam thể hiện sự sôi nổi, hưng phấn, sáng tạo trong công việc;
 - COMECO = COME + CO (COME nghĩa là đến, CO nghĩa là Công ty) – mời gọi mọi người;
 - COMECO được đặt trên nền màu cam, trung tâm là hình chiếc chìa khóa, thể hiện sức mạnh, trí tuệ với tấm lòng gọi mở, sẵn sàng hợp tác cùng phát triển;
 - Khung hình vuông biểu thị cho sự phát triển bền vững.
- * **Thương hiệu COMECO** đã đăng ký tại Cục Sở hữu Công nghiệp từ năm 1993.

Chữ viết tắt :

- Công ty : Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu
- ĐHĐCĐ : Đại hội Đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- TGD : Tổng Giám đốc
- CB.CNV : Cán bộ, công nhân viên

Phần 1

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

1. Việc thành lập :

1.1. Ngày thành lập : 13-12-1975.

Ngày thành lập Công ty được HĐQT và Ban TGD thống nhất lấy theo ngày trên Giấy CNĐKKD khi Công ty chuyển sang Công ty Cổ phần.

1.2. Quá trình hình thành Công ty :

Qua hơn 33 năm hoạt động, do quy mô và nhiệm vụ của từng giai đoạn khác nhau nên tên gọi của Công ty được thay đổi như sau :

• **Phòng Quản lý Xăng dầu : Sau 30/4/1975**, Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh đã tiếp nhận hệ thống vận tải của Nha Lộ vận chế độ cũ với trên 5.000 phương tiện vận tải hàng hóa và hành khách các loại. Từ thực trạng này, Sở GTVT đã thành lập Phòng Quản lý Xăng dầu để quản lý các trạm xăng và phân phối nhiên liệu cho các phương tiện vận tải nói trên. Phòng Quản lý Xăng dầu chính là tiền thân của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) ngày nay.

- **Xí nghiệp Rửa xe và Cung ứng Xăng dầu : Từ 08/1977 đến 12/1978**
(trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh)
- **Xí nghiệp Cung ứng Vật tư : Từ 12/1978 đến 12/1981.**
(trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh)
- **Xí nghiệp Cung ứng Nhiên liệu : Từ 12/1981 đến 10/1992.**
(trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh)
- **Công ty Vật tư Thiết bị Giao Thông Vận Tải (COMECO) : Từ 10/1992 đến 12/2000**
(trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh)
- **Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) : Từ 12/2000 đến nay.**
(trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh)

* *COMECO là thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO) từ tháng 10/2004 đến tháng 1/2008.*

2. Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần : 13-12-2000.

- COMECO cổ phần hóa theo quyết định số 94/2000/QĐ-TTg, ngày 09-8-2000 của Thủ tướng Chính phủ.
- Tên cũ (DNNN) : Công ty Vật tư Thiết bị Giao thông Vận tải (COMECO)
- Tên mới : Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO)
- Giấy CNĐKKD : Số 4103000236, cấp ngày 13-12-2000

3. Niêm yết :

- Ngày niêm yết : 07-8-2006.
- Nơi niêm yết : Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.
- Mã Chứng khoán : COM Mệnh giá : 10.000 đồng/cp.
- Số lượng cổ phiếu niêm yết (tính đến 31-12-2008) : 8.612.000cp
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tính đến 31-12-2008) : 8.325.907cp
- Giá trị vốn hóa (tại thời điểm 31-12-2008) : 312.615.600.000 đồng (giá 36.300đ/cp)

II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

1. Ngành nghề kinh doanh chính :

- Kinh doanh : Xăng, dầu, nhớt, dịch vụ rửa xe; dịch vụ vận chuyển xe bồn.
- Thiết bị cho trạm xăng và vật tư, phương tiện giao thông vận tải.
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp, đặc biệt là các trạm xăng dầu và kho xưởng.
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, kho, bãi.

2. Tình hình hoạt động :

2.1. Những dấu mốc quan trọng :

- **Tháng 07/1988** : COMECO đã mạnh dạn đề xuất và được sự chấp thuận của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho phép **mở cửa các Cửa hàng xăng dầu COMECO để kinh doanh bán lẻ** phục vụ nhân dân thành phố và đã thu được những kết quả mang tính đột phá cho sự phát triển kinh doanh của Công ty theo cơ chế thị trường.

- **Tháng 07/1996** : COMECO đã ký **hợp đồng liên kết kinh doanh và nhận tài trợ từ ESSO SINGAPORE PRIVATE LIMITED (“ESPL”)** để xây dựng 01 cửa hàng kinh doanh xăng dầu theo tiêu chuẩn quốc tế và đầu tư thay thế toàn bộ trụ bơm cơ bằng trụ bơm điện tử TATSUNO (Japan) cho toàn bộ hệ thống CHXD của Công ty lúc bấy giờ.

- **Tháng 12/2000** : Cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- **Tháng 10/2004** : Áp dụng thành công Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2000 trong toàn Công ty được BVQI (Vương quốc Anh) cấp Giấy chứng nhận.

- **Tháng 10/2006** : Khởi công san lấp mặt bằng giai đoạn 1 Dự án xây dựng Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch – Đồng Nai với diện tích 20 ha, cầu cảng 25.000 DWT, sức chứa giai đoạn I là 40.400 m³ và tổng vốn đầu tư giai đoạn I trên 236 tỷ đồng. Dự kiến sẽ đưa vào hoạt động năm 2011.

- **Tháng 10/2007** : Công ty đã phát hành thành công đợt bán 4,6 triệu cổ phần tăng vốn điều lệ từ 34 tỷ lên 79,99 tỷ đồng với số tiền thặng dư thu được là **151,118** tỷ đồng. Đặc biệt, Công ty đã lựa chọn bán cổ phiếu cho những đối tác chiến lược có thương hiệu mạnh và hợp tác lâu dài với Công ty.

- **Tháng 12/2008** : Công ty đã làm Lễ Khởi công xây dựng Cao ốc Văn phòng COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2. Các dự án đầu tư lớn :

2.2.1. Dự án xây dựng Tổng kho Xăng dầu COMECO :

- Địa điểm : Xã Phú Đông và xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. (Sông Sài Gòn, gần đối diện với Kho Xăng dầu Nhà Bè, TP. HCM).

- Diện tích đất : 20ha (200.000 m²)

- Quy mô đầu tư :

+ *Giai đoạn 1* : Sức chứa 40.400 m³ cho 4 mặt hàng xăng và dầu.

Xây dựng cầu cảng 25.000 DWT. Tổng mức đầu tư : 236,75 tỷ đồng

Dự kiến đi vào hoạt động : Năm 2011

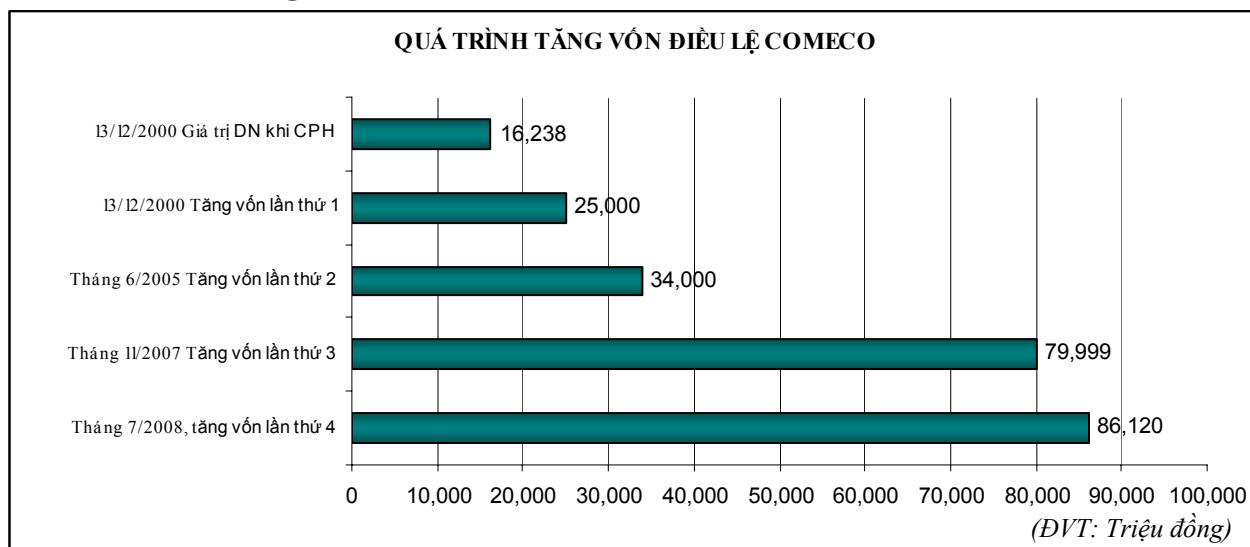
+ *Giai đoạn 2* : Xây dựng thêm 10.000 m³ sức chứa. Tổng mức đầu tư : 35,00 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty cũng dự kiến đầu tư kinh doanh các mặt hàng hóa dầu khác như : dầu nhờn, hóa chất, gas, ...

2.2.2. Dự án Cao ốc Văn phòng COMECO :

- Địa điểm : Tại ngã ba Điện Biên Phủ - Nguyễn Thiện Thuật,
Số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. HCM.
- Diện tích khuôn viên : 708 m²
- Quy mô : 10 tầng cao, sân thượng và 2 tầng hầm.
Sử dụng 3 tầng (7, 8, 9) làm văn phòng của Công ty, các tầng còn lại cho thuê.
- Tổng vốn đầu tư : 115,942 tỷ đồng.
Dự án đã được khởi công xây dựng vào 27-12-2008.
Dự kiến đưa vào hoạt động tháng 5/2009.

2.3. Quá trình tăng vốn :



2.4. Kết quả hoạt động 3 năm 2006 - 2008 :

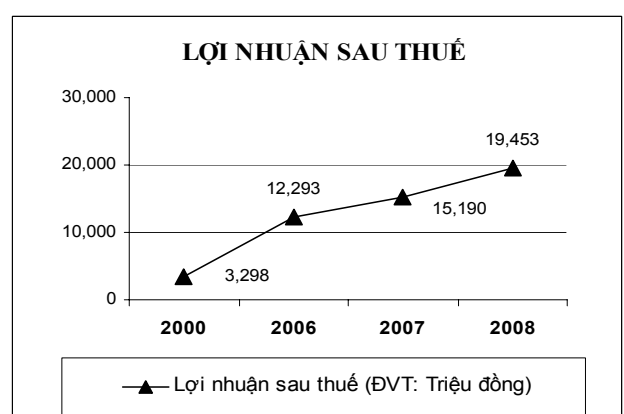
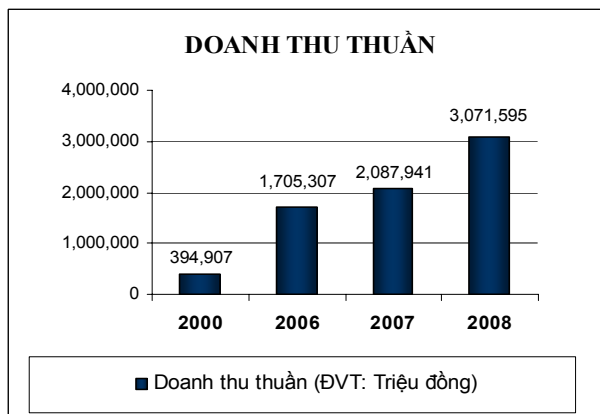
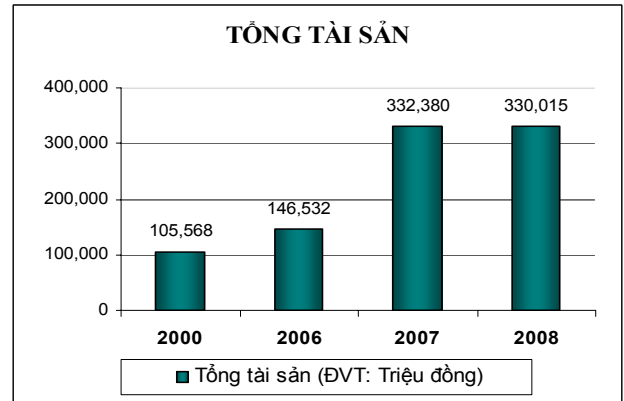
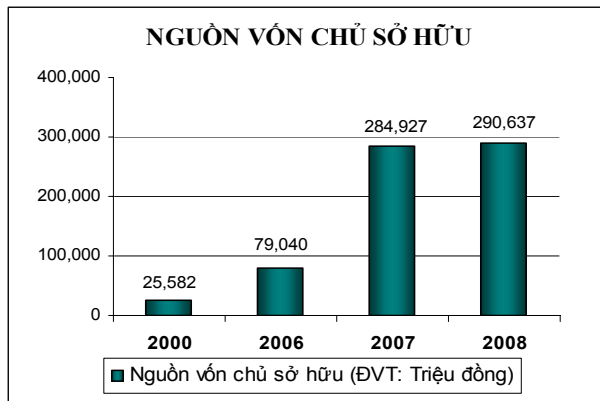
BẢNG KẾT QUẢ SXKD TỪ NĂM 2006 ĐẾN 2008

Đơn vị tính : Triệu đồng

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2000	THỰC HIỆN 2006	THỰC HIỆN 2007	THỰC HIỆN 2008	TỈ LỆ (%)		
							08/00	08/07	BQ 8 năm
A	B	C	1	2	3	4	5(4/1)	6(4/3)	7
1	Tổng tài sản	<i>Tr đ</i>	105,568	146,532	332,380	330,015	313	99	115
2	Vốn chủ sở hữu	<i>Tr đ</i>	25,582	79,040	284,927	290,637	1,136	102	135
3	Vốn điều lệ	<i>Tr đ</i>	16,238	34,000	79,999	86,120	530	108	123
4	Doanh thu thuần	<i>Tr đ</i>	394,907	1,705,307	2,087,941	3,071,595	778	147	129
5	Lợi nhuận trước thuế	<i>Tr đ</i>	5,824	14,309	17,651	26,137	449	148	121
6	Lợi nhuận sau thuế	<i>Tr đ</i>	3,298	12,293	15,190	19,453	590	128	125
7	Cổ tức (%)	%		18	15	15			
8	Lãi cơ bản trên Cp ()	<i>đồng</i>		3,239	3,275	2,343			
9	Giá trị Cp trên sổ sách	<i>đồng</i>		23.897	35.961	34.698			

Ghi chú :

- Năm 2000 Cty là DNNN
- Cty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 50% từ năm 2006 đến năm 2007 do niêm yết tại HoSE ngày 07/08/2006
- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu: năm 2006: 12%, năm 2007: 6%
- Vốn chủ sở hữu năm 2007 tăng cao do phát hành thêm cổ phiếu (thặng dư vốn: 151.118 triệu đồng).
- Lãi cơ bản trên CP = LNST / (Số lượng CP theo vốn điều lệ - số lượng CP ngân quỹ BQ)
- Giá trị CP trên sổ sách = (Vốn chủ sở hữu - quỹ phúc lợi) / Số lượng cổ phiếu lưu hành.



2.5. Thành tích đạt được trong những năm qua :

- + Năm 1992 : Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương lao động hạng ba
- + Năm 1998 : Chủ tịch Nước tặng Huân chương lao động hạng hai
- + Năm 2002 : Chủ tịch Nước tặng Huân chương lao động hạng nhất
- + Năm 2007 : - Bộ Khoa học – CN tặng **“Giải Vàng Chất lượng VN”**
 - Thủ tướng Chính phủ tặng : Bằng khen
 - Tặng Giải thưởng “Thương hiệu vàng”, “Slogan – Logo ấn tượng”
 - Tặng Giải thưởng “Doanh nghiệp VN áp dụng thành công khoa học công nghệ” (BUTEC)
- + Năm 2008 : - Chủ tịch Nước tặng **Huân chương Độc lập hạng ba**.
 - Bộ Công thương tặng Giải thưởng “Doanh nghiệp phát triển bền vững” lần thứ I – năm 2008.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Phân tích môi trường kinh doanh (SWOT) :

<p><u>Mặt mạnh (S)</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mạng lưới bán lẻ xăng dầu gồm 28 CH, nằm ở những vị trí quan trọng, phục vụ 24/24 giờ. - Cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối khá, quỹ đất : 249.793 m² - Bộ máy gọn nhẹ, tương đối linh hoạt, năng suất lao động cao, nội bộ đoàn kết. - Có bề dày kinh nghiệm và uy tín cao trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu. - Áp dụng các công cụ quản lý chất lượng tiên tiến trên thế giới : ISO 9001:2008, 7 tiêu chí của Giải thưởng Chất lượng Việt Nam và Công cụ 5S. - Chất lượng, số lượng hàng hóa luôn đảm bảo; cơ chế giá linh hoạt. - Thái độ phục vụ của CB.CNV khá tốt. - Tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch. - Mức tăng trưởng ổn định và khá cao, bình quân 25%/năm. - Tích cực xây dựng văn hóa COMECO. - Thương hiệu COMECO ngày càng phát triển. <p style="text-align: right;">S</p>	<p><u>Cơ hội (O)</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi trường chính trị ổn định, tốc độ tăng của ngành Công nghiệp dầu khí trong nước khá cao. - Nhà máy lọc dầu Dung Quất đã đi vào hoạt động và cung cấp sản phẩm ra thị trường. - Xăng dầu là mặt hàng chiến lược, thiết yếu, có sự quản lý của Nhà nước. - Thành phố đang phát triển những khu đô thị, khu công nghiệp mới. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp và dịch vụ. - Dân số thành phố đông, trẻ, thu nhập ngày càng tăng. - Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và khu vực, môi trường đầu tư ngày càng thông thoáng. - Nhà nước đưa ra nhiều chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp trong năm 2009 để chống suy giảm kinh tế. <p style="text-align: right;">O</p>
<p><u>Mặt yếu (W)</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có kho cảng xăng dầu nên chưa chủ động được nguồn hàng và giá bán . - Thông tin thị trường, đối thủ và marketing đôi khi còn chậm. - Nguồn nhân lực chưa theo kịp tốc độ phát triển của Công ty. - Tác phong làm việc của đội ngũ CB.CNV các cấp chưa thật sự chuyên nghiệp. - Công tác Marketing, PR chưa chuyên nghiệp. - Văn phòng Công ty chật hẹp, nằm ở vị trí không thuận lợi. <p style="text-align: right;">W</p>	<p><u>Thách thức (T)</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế; thị trường bất động sản và thị trường chứng khoán suy giảm, khó phục hồi ngay. - Nguồn cung và giá xăng dầu lệ thuộc thế giới – diễn biến phức tạp khó dự báo. - Áp dụng chính sách giá xăng dầu, theo cơ chế thị trường của Nhà nước còn nhiều hạn chế và những thay đổi khác của Nhà nước về quản lý kinh tế vĩ mô. - Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu của cả nước trong năm 2009 dự báo sẽ giảm. - Đối thủ bán lẻ xăng dầu Petrolimex mạnh hơn về bảo hộ của Nhà nước. - Quản lý thị trường của Nhà nước còn nhiều bất cập trong kinh doanh xăng dầu. - Các sản phẩm thay thế xăng dầu đang phát triển mạnh. - Người tiêu dùng ngày càng có sự lựa chọn kỹ hơn nơi mua xăng dầu. - Nhà nước mở cửa cho phép các công ty nước ngoài vào kinh doanh xăng dầu trong tương lai. <p style="text-align: right;">T</p>

Từ việc phân tích SWOT trên Công ty đưa ra mục tiêu và chiến lược như sau :

2. Mục tiêu chủ yếu của Công ty :

- Không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội.
- Phấn đấu đưa COMECO trở thành : “**Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam (trực chính là xăng dầu)**”.
- Thực hiện đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh xoay quanh trực chính là kinh doanh xăng dầu.
- Bảo toàn và phát triển vốn. Đảm bảo lợi ích của Nhà nước, cổ đông và Người lao động.
- Bảo vệ môi trường sinh thái, sức khỏe cộng đồng.
- Xây dựng nền Văn hóa COMECO và phát triển Thương hiệu COMECO ngày càng bền vững trên thương trường.

3. Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

- Đầu tư mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu.
- Đầu tư xây dựng Tổng kho Xăng dầu COMECO.
- Đầu tư vào một số lĩnh vực liên quan đến sản phẩm hóa dầu như : Dầu nhờn, hóa chất, gas, nhựa đường, ...
- Từng bước đầu tư vào lĩnh vực tài chính, bất động sản, thương mại với việc sử dụng nguồn vốn một cách thận trọng, hiệu quả.

Chủ động chuyển hướng kinh doanh, đầu tư tại một số mặt bằng của Công ty nhằm mục tiêu phù hợp với quy hoạch của Thành phố và nhằm mục tiêu đạt hiệu quả kinh tế tối ưu.

- Mở rộng hợp tác liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước.
- Đầu tư máy móc, trang thiết bị tiên tiến với công nghệ cao.
- Tập trung phát triển các nguồn lực, trong đó ưu tiên phát triển nguồn nhân lực.
- Tiếp tục xây dựng Văn hóa và phát triển Thương hiệu COMECO.

Phần 2

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2008

1. Kết quả hoạt động năm 2008 :

Đơn vị tính : Triệu đồng

SỐ TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2007	KẾ HOẠCH NĂM 2008	THỰC HIỆN NĂM 2008	TH 08/ KH 08	TH 08/ TH 07
A	B	1	2	3	4 (3/2)	5(3/1)
1	Doanh thu thuần	2.087.941	2.550.000	3.071.595	120 %	147 %
2	Lợi nhuận trước thuế	17.651	22.222	26.137	118 %	148 %
3	Lợi nhuận sau thuế	15.190	16.000	19.453	122 %	128 %
4	Cổ tức (%)	15 %	12 %	15 %	125 %	100 %

Ghi chú : Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 được giảm 50%, năm 2008 không còn được giảm.

2. Mười sự kiện tiêu biểu năm 2008 :

- 1- COMECO được nhận **Huân chương Độc lập hạng ba** do Chủ tịch Nước trao tặng vào tháng 12/2008.
- 2- **Đạt Giải thưởng “Doanh nghiệp phát triển bền vững”** lần I (năm 2008) do Bộ Công Thương trao tặng trong top 20 doanh nghiệp dẫn đầu.
- 3- **Tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng bình quân trên 25 %/năm sau 8 năm cổ phần hóa.**
- 4- **Ban hành Giá Trị Cốt Lõi của COMECO** bao gồm : Hoài bão, Tầm nhìn, Sứ mệnh, Triết lý kinh doanh, Slogan, Bản sắc Văn hóa và các thành tố khác.
- 5- **Lễ Khởi công xây dựng Cao ốc Văn phòng COMECO** vào ngày 27/12/2008.
- 6- **Khai trương Chi nhánh Cửa hàng xăng dầu số 31** tại 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp vào ngày 17-9-2008.
- 7- **Có 93 sáng kiến, giải pháp mới** được Hội đồng Sáng chế - Sáng kiến Công ty công nhận trong tổng số gần 300 ý kiến đóng góp của 465 CB.CNV Công ty.
Tiết kiệm chi phí được 2,015 tỷ đồng.
- 8- Là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam chuyển đổi thành công sang **Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008** được BVQI cấp Giấy chứng nhận vào tháng 12/2008.
. Áp dụng thành công **Công cụ nâng cao Năng Suất Lao Động 5S** rộng khắp toàn Công ty : Văn phòng và Hệ thống 28 Chi nhánh cửa hàng xăng dầu.
- 9- **Xếp hạng 149 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất VN (VNR 500).**
. **Xếp hạng tín dụng AAA** trong năm 2006, 2007 do Trung tâm Thông tin Tín dụng- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xếp hạng tín dụng cho các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam (tháng 9/2008).
- 10- **Ủng hộ từ thiện xã hội : 501.450.000 đồng** để xây nhà tình nghĩa, nhà tình thương, quỹ chăm lo người nghèo,...

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH 2008

Năm 2008 đã đánh dấu một năm tăng trưởng vượt bậc, doanh thu và lợi nhuận đều vượt kế hoạch và có tốc độ tăng trưởng cao. Doanh thu thuần đạt 3.071 tỷ đồng, vượt 20% kế hoạch 2008, tăng 47% so với 2007, lợi nhuận trước thuế tăng 18% so với kế hoạch 2008 và tăng 48% so với năm 2007. Mặc dù năm 2008 Công ty không còn được giảm 50% thuế Thu nhập Doanh nghiệp, nhưng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế vẫn giữ được mức tăng 28% so với năm 2007 và vượt kế hoạch 2008 : 22%. Trong đó, kinh doanh xăng dầu vẫn là ngành chủ lực của Công ty, chiếm tỷ trọng gần 90%/tổng lợi nhuận toàn Công ty. Tổng tài sản của Công ty đạt 330 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu đạt 290,6 tỷ đồng. Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu đạt **6,73%**, tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn điều lệ đạt **22,59 %** và tỷ suất lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản đạt **5,89%** đều cao hơn so với năm 2007.

III. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM 2008

1. Về đầu tư :

Năm 2008, COMECO đã đầu tư **29.503.935.000 đồng** để : San lấp mặt bằng Tổng kho Xăng dầu COMECO; Xây dựng Cao ốc Văn phòng COMECO; Mua 5 xe bồn vận chuyển nhiên liệu. Ngoài ra, Công ty còn đầu tư sửa chữa nâng cấp các cửa hàng của Công ty và một số Đại lý của hàng xăng dầu của khách hàng để quảng bá thương hiệu.

2. Về khách hàng :

Phong trào thi đua giới thiệu khách hàng mới được duy trì thường xuyên. Do đó, năm 2008 Công ty có thêm 31 khách hàng mới với số lượng tiêu thụ tương đối ổn định.

3. Thay đổi người đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước tại COMECO :

Tháng 01/2008 theo chỉ đạo của Thường trực Thành ủy và UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn (SAMCO) đã bán lại 1.096.940 cổ phần (12,73% VDL) sở hữu Nhà nước tại COMECO cho Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (SAIGON PETRO) theo giá trên sàn giao dịch HoSE. Ngoài ra, SAIGON PETRO còn có phần tự mua là 581.730 cổ phần COM (6,75% VDL). Như vậy, tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông 20-02-2009 SAIGON PETRO đang đại diện sở hữu **1.678.670 cổ phần (19,49%VĐL)** của COMECO.

4. Thay đổi Cổ đông chiến lược :

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí – PETECHIM (thuộc tập đoàn Dầu khí Việt Nam) và Công ty TNHH Một thành viên Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ - PDC (thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) là 2 cổ đông chiến lược của COMECO; tháng 9/2008 hai đơn vị này đã sáp nhập thành **Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành Viên (PV OIL)** thuộc **Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**. Như vậy, sau khi sáp nhập tỷ lệ vốn của PV OIL tại COMECO là 820.690 cổ phần (9,53% VDL), cộng với việc PV OIL mua thêm cổ phiếu COM trên sàn giao dịch là 651.300 cổ phần. Như vậy, tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 20-02-2009 số cổ phiếu của COMECO do PV OIL sở hữu là **1.471.990 cổ phần** (chiếm tỷ lệ **17,09 %/VĐL**).

IV. CÁC RỦI RO LỚN VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

1. Rủi ro kinh tế :

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến nhu cầu sử dụng năng lượng nói chung trong tiêu dùng và công nghiệp, đặc biệt là nhiên liệu xăng dầu. Nền kinh tế tăng trưởng nhanh sẽ làm gia tăng nhu cầu sử dụng nhiên liệu của người dân, xã hội và ngược lại. Những năm trở lại đây, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng GDP khá cao và ổn định : năm 2005 đạt 8,4 %, năm 2006 đạt 8,2 %, năm 2007 đạt 8,48 %, năm 2008 đạt 6,23 %. Dự báo năm 2009 GDP sẽ giảm còn từ 5 đến 6 %, do đó kéo theo nhu cầu tiêu thụ xăng dầu sẽ giảm. Nhưng dự báo đến năm 2010 nền kinh tế sẽ phục hồi. Do vậy, có thể thấy rủi ro biến động của nền kinh tế với COMECO là không cao.

Tuy nhiên, để ổn định và phát triển kinh doanh, COMECO đưa ra các biện pháp tận dụng các thế mạnh của mình về hệ thống mặt bằng bán lẻ xăng dầu, về vốn, về áp dụng các công cụ tiên tiến vào quản lý, về xây dựng phát triển thương hiệu và văn hóa COMECO, ... nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ bán lẻ .

2. Rủi ro pháp luật :

Là DNNN cổ phần hóa, hoạt động của COMECO chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật chung, các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các quy phạm pháp luật này đang trong quá trình hoàn thiện cho phù hợp với xu thế hội nhập. Vì vậy việc thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và sự thay đổi đó ít nhiều có ảnh hưởng đến hoạt động của COMECO. Ngoài ra, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu về thuế suất nhập khẩu, lượng dự trữ,... khi thay đổi điều chỉnh cũng ảnh hưởng đến hoạt động của ngành và của COMECO. Hướng tới việc mở cửa xăng dầu Nhà nước đã ban hành một số chính sách nhằm ổn định đầu mối nhập khẩu, ổn định mạng lưới phân phối, đảm bảo dự trữ, bình ổn giá xăng dầu trong nước và không bù lỗ cho các DN đầu mối nhằm tăng cường sức cạnh tranh của các DN Việt Nam trong ngành.

Để giảm thiểu những rủi ro có tính chiến lược này, HĐQT Công ty đã thường xuyên phân tích, dự báo tình hình để điều chỉnh kịp thời các kế hoạch nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh để đem lại hiệu quả kinh doanh.

3. Rủi ro cháy nổ :

Xăng dầu là vật liệu dễ cháy cho nên nguy cơ hỏa hoạn luôn luôn tiềm ẩn. Để phòng ngừa rủi ro này, COMECO luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, trang bị kiến thức PCCC cho người lao động và mua bảo hiểm hỏa hoạn, các bảo hiểm rủi ro khác nhằm đảm bảo hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.

V. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH ĐẾN NĂM 2011

1. Dự báo tình hình :

- Xăng dầu vẫn là mặt hàng thiết yếu đáp ứng cho nhu cầu về công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp, giao thông vận tải, tiêu dùng,... và hiện chưa có nguồn năng lượng nào có thể thay thế hữu hiệu, vì vậy với đà tăng trưởng kinh tế cao của Việt Nam sẽ kéo theo nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tăng trong các năm tới, đặc biệt là đối với vùng Đông Nam bộ.

- Đến năm 2010 thị trường xăng dầu của Việt Nam vẫn do các doanh nghiệp Việt nam khai thác; hiện tại Nhà nước chưa cho phép các công ty nước ngoài vào kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam.

- Việc mở cửa cho các công ty nước ngoài vào Việt Nam kinh doanh xăng dầu được thực hiện theo lộ trình và có sự chủ động kiểm soát của Nhà nước vì đây là ngành hàng chiến lược.

- Ngành khai thác và chế biến dầu khí trong nước phát triển (Nhà máy Lọc dầu Dung Quất đã cung cấp sản phẩm ra thị trường), COMECO có Tổng kho Xăng dầu với diện tích đất hơn 20 ha, là điều kiện thuận lợi để đảm bảo nguồn cung và chủ động về giá cả.

Căn cứ vào định hướng phát triển và dự báo tình hình như trên, HĐQT đưa ra kế hoạch từ năm 2009 đến 2011 như sau :

2. Kế hoạch từ năm 2009 đến 2011 :

Nhằm hướng tới sự tăng trưởng cao và phát triển bền vững, Hội đồng Quản trị COMECO đã xây dựng kế hoạch phát triển của Công ty như sau :

- Tiếp tục phát triển kinh doanh xăng dầu - Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.
- Mở rộng thị trường ra các vùng lân cận.
- Đầu tư phát triển thêm tối thiểu 2 CHXD mới/năm.
- Phát triển hệ thống đại lý bán lẻ xăng dầu : hiện nay từ 30 đại lý lên 63 đại lý vào năm 2011.

- Xây dựng nhà máy sản xuất dầu nhờn COMECO.

- Huy động mọi nguồn lực cũng như điều kiện tốt nhất cho việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án : Cao ốc Văn phòng, Tổng kho Xăng dầu, đảm bảo các dự án nhanh chóng đi vào hoạt động và mang lại hiệu quả cao.

+ Tổng kho xăng dầu tại Nhơn Trạch đi vào hoạt động vào năm 2011.

+ Cao ốc văn phòng COMECO, hoạt động năm 2010.

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đến năm 2011 phần **đầu** có trên 15 % lao động có trình độ đại học và trên đại học (hiện tại năm 2008 là 9,25 %).

- Từng bước nâng cấp quy trình quản trị doanh nghiệp, hướng tới các tiêu chuẩn tiên tiến trên thế giới.

- Xây dựng Thương hiệu COMECO trở thành một trong những thương hiệu mạnh của Việt Nam trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.

- Từng bước áp dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động của Công ty.

Phần 3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2008

1. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán :

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐV TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2007	THỰC HIỆN NĂM 2008	TLSS %
A	B	C	1	2	3 (2/1)
1	Doanh thu thuần	1.000 đ	2,087,941,307	3,071,594,899	147.11%
2	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	15,189,911	19,453,396	128.07%
3	Nguồn vốn chủ sở hữu	1.000 đ	284,927,022	290,637,326	102.00%
4	Tổng tài sản	1.000 đ	332,380,384	330,015,397	99.29%
5	Tài sản ngắn hạn	1.000 đ	239,145,078	231,462,394	96.79%
6	Nợ phải trả	1.000 đ	47,453,362	39,378,071	82.98%
7	Nợ ngắn hạn	1.000 đ	39,940,368	32,912,170	82.40%
8	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.000 đ	116,790,451	97,497,315	83.48%
9	Tỷ suất lợi nhuận				
9.1	Tỷ suất LNST / Tổng tài sản (2/4)	%	4.57	5.89	128.88%
9.2	Tỷ suất LNST / Doanh thu (2/1)	%	0.73	0.63	86.30%
9.3	Tỷ suất LNST / Vốn chủ SH (2/3)	%	5.36	6.73	125.56%
10	Khả năng thanh toán				
10.1	Khả năng thanh toán hiện hành (4/6)	Lần	7.00	8.38	119.71%
10.2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (5/7)	Lần	5.99	7.03	117.36%
10.3	Khả năng thanh toán nhanh (8/7)	Lần	3.74	3.81	101.87%

Nhận xét chung :

Nhìn chung các chỉ tiêu tài chính nêu trên đều đạt hiệu quả hơn so với năm 2007. Chỉ số tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản và Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu đều tăng trên 25% so với 2007. Đồng thời các chỉ số khả năng thanh toán đều lớn hơn 1 và cao hơn so với năm 2007. Điều này cho thấy Công ty luôn đảm bảo được khả năng thanh toán và tình hình tài chính là khả quan.

Đạt được kết quả cao hơn năm trước chủ yếu do năm 2008 Công ty đã quản lý chặt hoạt động thu hồi nợ bằng những biện pháp như phân loại, chọn lọc, chế tài, áp dụng các chính sách bán hàng phù hợp, ... không để tình trạng nợ xấu, nợ quá hạn xảy ra; chủ động cân đối nguồn vốn hợp lý cho các nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh; trích lập các khoản dự phòng theo đúng quy định hiện hành.

2. Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh :

- Trong khu vực Tp. HCM Công ty chiếm lĩnh vị trí bán lẻ xăng dầu đứng hạng thứ nhì sau Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu trực thuộc Petrolimex.

- Hệ thống CHXD của COMECO với 28 Cửa hàng có qui mô lớn, diện tích rộng tọa lạc tại những vị trí đắc địa tại các Quận, Huyện trong nội thành.

- Là đơn vị tiên phong trong việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2008 và công cụ quản lý 5S trong toàn bộ hệ thống cửa hàng xăng dầu.

3. Phân tích những biến động – những thay đổi lớn so với dự kiến :

- Tình hình lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng, giá xăng dầu thế giới biến động bất thường ngoài dự đoán, giá chứng khoán liên tục giảm ảnh hưởng nhiều đến kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Nhiều khoản chi phí trong năm 2008 tăng cao.

- Giá xăng dầu bán lẻ trong nước thay đổi kỷ lục : 12 lần trong năm 2008, giá tăng cao vào giữa năm, sau đó từ tháng 7/2008 giảm dần. Quý IV/2008 có sự cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị kinh doanh xăng dầu, do đó việc giữ khách hàng cũ và thu hút khách hàng mới là hết sức khó khăn.

4. Giá trị sổ sách tại thời điểm tháng 31-12-2008.

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = \frac{288.893.505.153 \text{ đ}}{8.325.907 \text{ cp}} = \mathbf{34.698 \text{ đ/cp}}$$

5. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp :

Đợt 1 : Tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên **79.999.170.000 đồng**.

- Ngày giao dịch không hưởng quyền : 19-10-2007
- Ngày cổ phiếu giao dịch : 23-01-2008
- Số lượng cổ phiếu tăng thêm : **4.599.917 cp**
 - Trong đó :* - Chi cổ tức bằng cổ phiếu đợt 2/2006 : 392.110 cp
 - Bán cho cổ đông hiện hữu : 1.968.880 cp
 - Bán cho đối tác chiến lược : 2.117.810 cp
 - Bán cho CB-CNV chủ chốt năm TC 2006 : 100.000 cp
 - Thương cho HĐQT năm TC 2006 : 18.500 cp
 - Cổ phiếu lẻ : 2.617 cp

Đợt 2 : Tăng vốn điều lệ từ 79.999.170.000 đồng lên **86.120.000.000 đồng**.

- Ngày giao dịch không hưởng quyền : 25-6-2008
- Ngày cổ phiếu giao dịch : 25-8-2008
- Số lượng cổ phiếu tăng thêm : **612.083 cp**
 - Trong đó :* - Chi cổ tức bằng cổ phiếu đợt 2/2007 : 460.750 cp
 - Bán cho CB.CNV chủ chốt năm TC 2007 : 146.775 cp
 - Cổ phiếu lẻ : 4.558 cp

6. Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm ngày 31-12-2008 :

SỐ TT	LOẠI CỔ PHIẾU	SLCP (cp)	THỜI GIAN HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG
1	Cổ phiếu thường	5.961.322	
2	Cổ phiếu quỹ	286.093	
3	Cổ phiếu bán cho CBCNV với giá ưu đãi	246.775	
	Đợt 1 : Phát hành cho năm tài chính 2006	100.000	4 năm (23/01/2008 → 23/01/2012)
	Đợt 2 : Phát hành cho năm tài chính 2007	146.775	3 năm (01/08/2008 → 01/08/2011)
4	Cổ phiếu bán cho các đối tác chiến lược	2.117.810	
4.1	Tổng Cty Dầu Việt Nam - Cty TNHH Một Thành Viên (PVOil) thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petro VN)	820.690	5 năm (23/01/2008 → 23/01/2013)
4.2	Tổng Cty Cơ khí GTVT Sài Gòn (Samco)	417.120	3 năm (23/01/2008 → 23/01/2011)
4.3	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	400.000	3 năm (23/01/2008 → 23/01/2011)
4.4	Cty cp Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	400.000	3 năm (23/01/2008 → 23/01/2011)
4.5	Cty TNHH Một Thành Viên Cảng Bến Nghé	80.000	3 năm (23/01/2008 → 23/01/2011)
	TỔNG CỘNG	8.612.000	

7. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại :

Số lượng cổ phiếu thường đang lưu hành tại thời điểm 31-12-2008 : **8.325.907 cp**

8. Số lượng cổ phiếu quỹ :

- Tồn đầu kỳ 01/01/2008 : 112.502 cp
- Mua trong năm 2008 : 173.591 cp (số tiền mua : 6.675.505.600 đ)
- Bán trong năm 2008 : 0 cp
- Tồn cuối kỳ 31/12/2008 : **286.093 cp** (số liệu đã được kiểm toán)

9. Cổ tức năm 2008 :

- Dự kiến chi **15 %** bằng tiền mặt với tổng số tiền dự kiến chi : 12.498.886.000 đồng
- Đợt 1 : Đã chi 6 %, số tiền : 5.015.793.000 đồng, ngày chi : 08-10-2008
- Đợt 2 : Đã chi 6 %, số tiền : 4.995.807.000 đồng, ngày chi : 30-12-2008
- Đợt 3 : Dự kiến chi 3 %, số tiền dự kiến : 2.487.286.000 đồng.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2008

Năm 2008 là năm có nhiều khó khăn do nhiều yếu tố khách quan tác động, nhưng Ban Tổng Giám đốc cùng với tập thể CB.CNV Công ty đã cố gắng triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT Công ty một cách linh hoạt, hiệu quả : Bảo toàn và phát triển vốn; đảm bảo lợi ích của Nhà nước, cổ đông, người lao động trong Công ty. Mọi hoạt động của Ban TGD đều được giám sát bởi HĐQT và BKS Công ty.

- Các chỉ tiêu kinh tế năm 2008 đều vượt kế hoạch, đồng thời có tốc độ tăng trưởng tương đối cao so với năm 2007 và so với trước khi cổ phần hóa năm 2000.
- Tốc độ tăng trưởng bình quân qua 8 năm cổ phần hóa đạt 25 %/năm.

- Về công tác quản lý : Xăng dầu là mặt hàng kinh doanh khá nhạy cảm; sự kiện ngày 5/8/2008 với tin đồn thất thiệt tăng giá xăng dầu làm người dân đổ xô đi mua xăng, Công ty luôn đảm bảo tốt công tác an ninh trật tự và an toàn PCCC và phục vụ đầy đủ nhu cầu xăng dầu cho khách hàng. Qua các đợt thanh, kiểm tra xăng dầu đột xuất của các cơ quan thẩm quyền, Công ty đều đạt kết quả tốt.

- Công tác thông tin, báo cáo, quyết toán hàng kỳ đều được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch theo đúng quy định của các cơ quan ban, ngành. Báo cáo quyết toán của Công ty được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Dịch vụ - Tư vấn Tài chính Kế toán Nam Việt (AASCN).

III. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2008

- Năm 2008 cũng đánh dấu những tiến bộ đáng ghi nhận về hoàn thiện bộ máy tổ chức, Công ty đã thành lập thêm các bộ phận chức năng như Ban Kiểm soát nội bộ, Tổ Quản lý và kinh doanh Chứng khoán, Tổ Xây dựng Văn hóa, Tổ Xây dựng và phát triển thương hiệu.

- Duy trì, cải tiến và ngày càng hoàn thiện Hệ thống Quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2000. Đồng thời, COMECO là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam thực hiện chuyển đổi thành công Hệ thống Quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 sang Hệ thống Quản lý Chất lượng **ISO 9001:2008** và đã được tổ chức Bureau Veritas Certification đánh giá và cấp Giấy chứng nhận vào tháng 12/2008.

- Áp dụng **công cụ nâng cao năng suất lao động 5S** trong toàn Công ty.

- Thương hiệu COMECO đến nay đã trở thành một thương hiệu mạnh trong lĩnh vực kinh doanh bán lẻ xăng dầu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt năm 2008 Công ty đã triển khai đồng bộ việc quảng bá thương hiệu COMECO theo thiết kế mới tại các cửa hàng xăng dầu và một số cửa hàng xăng dầu đại lý – khách hàng của Công ty.

- Thực hiện xây dựng văn hóa COMECO một cách đồng bộ và sâu rộng trong toàn Công ty. Ban hành **Giá Trị Cốt Lõi của COMECO** bao gồm : Hoài bão, Tầm nhìn, Sứ mệnh, Triết lý kinh doanh, Slogan, Bản sắc Văn hóa và các thành tố khác. Đồng thời đã triển khai **12 lớp Hội thảo Văn hóa COMECO** trong toàn thể 465 CB.CNV Công ty, thu được hơn **300 ý kiến** đóng góp.

- Phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được duy trì thường xuyên. Tất cả các ý tưởng đề xuất của người lao động đều được Công ty ghi nhận và xem xét. Năm 2008 đã có **93 sáng kiến, giải pháp mới** (trong đó : có 12 sáng kiến, 81 giải pháp mới) được biểu dương, khen thưởng kịp thời.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2009

1. Dự báo tình hình năm 2009 :

- Thị trường bất động sản tiếp tục còn nhiều khó khăn, thị trường chứng khoán không phát triển mạnh, lạm phát tiếp tục ở mức cao (8 -12%). Đây là khó khăn chung của nền kinh tế, đồng thời cũng là khó khăn của COMECO trong hoạt động kinh doanh của mình.

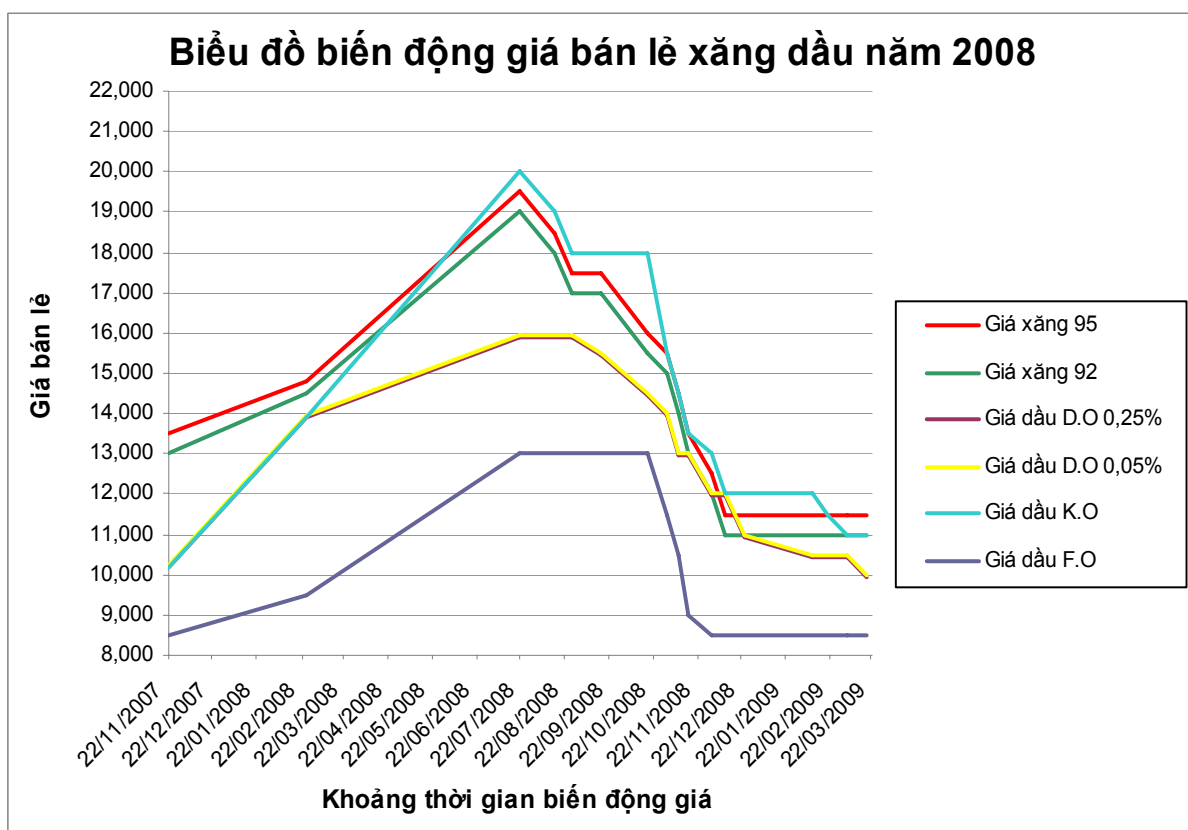
- Giá xăng dầu thế giới năm 2009 sẽ còn nhiều biến động và duy trì ở mức thấp. Điều này sẽ tác động đến tình hình ổn định trong việc hoạch định các chiến lược và kế hoạch SXKD của các nhà phân phối, cũng như các khách hàng sử dụng nhiên liệu.

- Chính phủ tiếp tục điều chỉnh thị trường xăng dầu theo giá linh hoạt.

- Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu của cả nước trong năm 2009 giảm so với năm 2008.

- Cuối quý 1/2009 nhà máy lọc dầu Dung Quất bắt đầu cung cấp sản phẩm cho thị trường.

- Tình trạng đào đường kéo dài; giao thông ùn tắc thường xuyên trên địa bàn TP sẽ ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của các Chi nhánh CHXD.
- Chính sách vĩ mô thay đổi : Nhà nước ban hành một số luật mới,...
- Nhiều khoản chi phí tăng cao.
- Mức hoa hồng đại lý có sự cạnh tranh mạnh giữa các Doanh nghiệp đầu mối dẫn đến khó khăn cho các Tổng đại lý (như COMECO) trong việc giữ Đại lý (khách hàng) của mình.
- Giá xăng dầu bán lẻ có xu hướng giảm dần (từ 19.500 đ/lít vào thời điểm 21-7-2008, xuống còn 11.000 đ/lít, ngày 19-3-2009), được thể hiện bằng sơ đồ sau :



Căn cứ vào định hướng chiến lược của Hội đồng Quản trị và dự báo tình hình năm 2009 như trên, Ban Tổng Giám đốc đưa ra mục tiêu và kế hoạch cụ thể năm 2009 như sau :

2. Mục tiêu năm 2009 :

- Đầu tư xây dựng phát triển mới tối thiểu 3 cửa hàng xăng dầu.
- Tham gia Giải thưởng Chất lượng Châu Á – Thái Bình Dương.
- Xây dựng Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004.
- Tiếp tục triển khai thực hiện 2 dự án lớn : Cao ốc Văn phòng COMECO và Tổng kho Xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch – Đồng Nai.
- Xây dựng và phát triển văn hóa COMECO, thương hiệu COMECO gắn với chương trình kế hoạch của UBND Thành phố : “Năm 2009 – Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”, đồng thời cũng gắn với chủ đề thi đua của COMECO năm 2009 là :

“ Kỷ cương - Tiết kiệm - An toàn
Trách nhiệm - Sáng tạo - Hiệu quả ”.

3. Kế hoạch năm 2009 :

Căn cứ vào tình hình thực tế khó khăn của năm 2009 như ở phần dự báo nêu trên Công ty xây dựng kế hoạch năm 2009 như sau :

- Doanh thu : 2.350 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 23,33 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế : 17,50 tỷ đồng.

4. Biện pháp thực hiện :

- Nâng cao dịch vụ bán lẻ.
- Tận dụng thế mạnh của mặt bằng các Chi nhánh CHXD trong nội thành. Phát triển vững chắc hệ thống đại lý xăng dầu ở thị trường TP. HCM và các tỉnh lân cận. Đẩy mạnh việc bán hàng vào các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế và các nhà máy, xí nghiệp, ...
- Sử dụng nguồn vốn hợp lý, hiệu quả. Quản lý chặt chẽ công nợ khách hàng.
- Kiện toàn cơ cấu tổ chức Công ty. Chuẩn bị các bước cần thiết để khai thác hiệu quả Cao ốc Văn phòng COMECO.
- Đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khai thác Cao ốc Văn phòng.
- Sử dụng tích hợp các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý nâng cao năng suất lao động.
- Tiếp tục triển khai thực hiện Văn hóa và phát triển Thương hiệu COMECO.
- Đầu tư máy móc trang thiết bị tiên tiến với công nghệ cao.
- Đầu tư mua 1 xe tải, 1 xe du lịch và một số máy móc thiết bị phục vụ SXKD.

Phần 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2008

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) trình bày Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Khái quát :

Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09 tháng 08 năm 2000 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Giấy đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13/12/2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 26/07/2008.

Đơn vị Kiểm toán : Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2008 cho Công ty.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính :

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo Tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo Tài chính.

Công bố trách nhiệm của HĐQT và Ban TGD đối với Báo cáo tài chính :

Ban TGD Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau :

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban TGD Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban TGD Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tp. HCM, ngày tháng năm 2009
TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Đức Hạnh

Số : 54 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính năm 2008
của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)*

Kính gửi : Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) được lập ngày 22/01/2009 gồm : Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến :

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên :

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2009

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Giám đốc
(Đã ký)

Kiểm toán viên
(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan
Chúng chi KTV số: 0167/KTV

Nguyễn Minh Tiến
Chúng chi KTV số: 0547/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2008	01/01/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		231.462.394.286	239.145.078.488
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		97.497.314.671	116.790.450.940
1. Tiền	111	V.1	97.497.314.671	116.790.450.940
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	27.973.911.400	32.477.831.560
1. Đầu tư ngắn hạn	121		46.146.016.000	32.778.201.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(18.172.104.600)	(300.369.440)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.258.007.179	59.440.557.290
1. Phải thu khách hàng	131		21.207.927.650	34.024.040.500
2. Trả trước cho người bán	132		22.766.808.748	25.195.610.009
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	283.270.781	220.906.781
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	51.726.474.594	22.724.259.725
1. Hàng tồn kho	141		53.086.718.085	23.879.004.459
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.360.243.491)	(1.154.744.734)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.006.686.442	7.711.978.973
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		702.172.414	512.281.265
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.840.910.070	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	6.463.603.958	7.199.697.708
			-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.553.003.083	93.235.305.092
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		98.553.003.083	93.235.305.092
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	18.015.301.438	20.614.407.076
- Nguyên giá	222		46.305.492.002	45.499.794.321
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.290.190.564)	(24.885.387.245)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	11.439.556.542	11.697.048.222
- Nguyên giá	228		12.874.584.020	12.874.584.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.435.027.478)	(1.177.535.798)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	69.098.145.103	60.923.849.794
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		330.015.397.369	332.380.383.580

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2008	01/01/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		39.378.071.435	47.453.361.859
I. Nợ ngắn hạn	310		32.912.170.377	39.940.367.945
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	-	1.400.000.000
2. Phải trả người bán	312		18.756.018.816	17.839.372.130
3. Người mua trả tiền trước	313		727.723.176	9.557.080.266
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	3.950.994.620	1.624.177.255
5. Phải trả người lao động	315		3.447.656.388	4.319.240.449
6. Chi phí phải trả	316	V.11	178.570.000	123.750.000
7. Phải trả nội bộ	317		55.401.755	55.401.755
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	5.795.805.622	5.021.346.090
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.465.901.058	7.512.993.914
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	6.105.195.518	7.152.288.374
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		360.705.540	360.705.540
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		290.637.325.934	284.927.021.721
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	288.893.505.153	283.642.136.495
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		86.120.000.000	79.999.170.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		158.037.574.134	155.512.347.670
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		15.145.085.751	14.097.992.895
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(11.342.703.700)	(4.667.198.100)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		28.594.611.280	23.837.348.085
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.393.141.750	2.633.645.750
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.945.795.938	12.228.830.195
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.743.820.781	1.284.885.226
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.743.820.781	1.284.885.226
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		330.015.397.369	332.380.383.580

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2008	01/01/2008
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		686,95	681,09
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2008

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.071.594.898.848	2.087.941.306.742
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	3.071.594.898.848	2.087.941.306.742
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.958.247.829.488	2.015.793.743.705
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		113.347.069.360	72.147.563.037
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	10.976.864.688	649.444.192
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	18.178.361.822	3.658.512.118
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.257.222	3.658.512.118
8. Chi phí bán hàng	24		73.628.942.534	43.992.577.974
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.439.161.891	8.039.818.445
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.077.467.801	17.106.098.692
11. Thu nhập khác	31		59.423.636	545.492.929
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		59.423.636	545.492.929
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.136.891.437	17.651.591.621
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	6.683.495.499	2.461.680.426
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.453.395.938	15.189.911.195
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	2.343	3.275

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2009
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Hoàng

Phạm Công Quyền

Trương Đức Hạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2008

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			26.136.891.437	17.651.591.621
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.662.294.999	2.989.238.780
- Các khoản dự phòng	03		18.077.233.917	(300.000.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.016.007.224)	(649.444.192)
- Chi phí lãi vay	06		6.257.222	3.658.512.118
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		36.866.670.351	23.349.898.327
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.918.643.861	(27.003.670.841)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(29.207.713.626)	12.359.251.830
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(8.729.474.465)	21.173.092.192
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(189.891.149)	118.382.460
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.257.222)	(3.658.512.118)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.252.444.354)	(2.296.579.701)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	2.706.733.663
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.870.153.349)	(2.305.685.261)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.529.380.047	24.442.910.551
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.979.992.990)	(44.393.264.850)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.966.340.810	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.986.347.820	(44.393.264.850)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		8.646.056.464	197.117.887.670
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(20.043.320.600)	(31.489.720.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	857.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.400.000.000)	(897.575.000.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.011.600.000)	(6.909.181.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.808.864.136)	118.143.986.670
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(19.293.136.269)	98.193.632.371
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		116.790.450.940	18.596.818.569
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		97.497.314.671	116.790.450.940

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Hoàng

Phạm Công Quyền

Trương Đức Hạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn :

Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09 tháng 08 năm 2000 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Giấy đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13/12/2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 26/07/2008.

Trụ sở chính của Công ty tại số 11 Cao Bá Nhạ, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh :

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 26/07/2008 thì lĩnh vực kinh doanh của Công ty là : Xuất, nhập khẩu : Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị cho trạm xăng và phương tiện giao thông vận tải. Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, xây dựng dân dụng và công nghiệp. Cho thuê văn phòng, kho bãi, dịch vụ rửa xe. Vận chuyển hàng hóa, hành khách (nội ngoại thành và liên tỉnh). Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo qui định của pháp luật và đối với vận chuyển xăng dầu chỉ hoạt động khi được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật). Mua bán phân bón. Cho thuê nhà ở. Mua bán khâu trang. Mua bán xe ô tô, xe mô tô, xe máy, vải, hàng may mặc, giày dép, quần áo may sẵn, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, thiết bị điện tử viễn thông – điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh dịch vụ ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bổ sung kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Mua bán máy tính, phần mềm máy tính đã đóng gói, thiết bị ngoại vi, thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi như máy in, photocopy, kết sắt, vật tư ngành in), thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (điều hoà không khí, lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, thiết bị vệ sinh), thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptomat), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng. Thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn xây dựng. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính – kế toán). Đại lý dịch vụ bưu chính - viễn thông (trừ đại lý truy nhập internet). Kinh doanh bất động sản./.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Kỳ kế toán :** Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :** Là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng :** Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng :** Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền :

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho :

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định như sau : Hàng hóa theo phương pháp Bình quân gia quyền, vật tư theo phương pháp Nhập trước – Xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định :

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau :

- Nhà cửa, vật kiến trúc	02 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu :

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay :

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước :

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ : Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính : Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau :

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng :

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm :

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn.

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại :

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính : VND

1. Tiền :	31/12/2008	01/01/2008
Tiền mặt	1.294.572.039	4.917.833.776
Tiền gửi ngân hàng	96.202.742.632	111.872.617.164
Cộng	97.497.314.671	116.790.450.940
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn :	31/12/2008	01/01/2008
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	46.146.016.000	32.778.201.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	46.146.016.000	32.778.201.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	18.172.104.600	300.369.440
Giá trị thuần của đầu tư ngắn hạn	27.973.911.400	32.477.831.560

(*) Chi tiết đầu tư chứng khoán đầu tư ngắn hạn (mệnh giá 10.000 đ/cp) :

Loại cổ phiếu	31/12/2008		01/01/2008	
	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Số cổ phần	Giá trị đầu tư
Công ty Cp cà phê Petec	43.800	444.000.000	42.000	426.000.000
Công ty Cp TM-KT và Đầu tư Petec - Hà Nam Ninh	26.990	272.599.000	26.990	272.599.000
Công ty Cp Bến xe Miền tây	44.300	775.250.000	44.300	775.250.000
Công ty Cp XNK Thủ Đức (TMC)	130.876	4.749.965.000	33.266	1.480.382.000
Công ty Cp CK ô tô Cần Thơ	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty Cp Cơ Khí Xăng dầu (PMS)	101.110	3.231.305.000	100.660	3.219.470.000
Cty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	160.500	17.654.500.000	160.500	17.654.500.000
Công ty Cp Cơ khí Lữ Gia (LGC)	250.720	6.769.297.000	100.000	4.500.000.000
Công ty Cp Thương Nghiệp Cà Mau	150.000	3.450.000.000	150.000	3.450.000.000
Công ty Cp Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	81.000	6.169.700.000	-	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	160.000	1.600.000.000	-	-
Công ty Cp DV Ô tô Hàng Xanh (HAX)	2.000	29.400.000	-	-
Cộng		46.146.016.000		32.778.201.000

Đơn vị tính : VND

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác :	31/12/2008	01/01/2008
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	31.248.428	31.248.428
Phải thu tiền lãi đã chi trả cho cổ đông	145.840.170	145.840.170
Phải thu khác	106.182.183	43.818.183
Cộng	283.270.781	220.906.781
4. Hàng tồn kho :	31/12/2008	01/01/2008
Hàng mua đang đi đường	28.160.508.385	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	87.739.318	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.579.554.323	4.833.257.599
Hàng hóa tồn kho	22.258.916.059	19.045.746.860
Cộng giá gốc hàng tồn kho	53.086.718.085	23.879.004.459
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.360.243.491	1.154.744.734
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	51.726.474.594	22.724.259.725
5. Tài sản ngắn hạn khác :	31/12/2008	01/01/2008
Tạm ứng xây dựng Tổng kho xăng dầu COMECO	3.833.695.607	2.878.100.167
Tạm ứng công trình công ty KANAAN	-	4.277.418.541
Tạm ứng công trình trạm XD Xuân Lộc - Tín Nghĩa	1.225.823.649	-
Tạm ứng công trình trạm XD Bầu Hàm	719.639.704	
Các khoản tạm ứng khác	684.444.998	44.179.000
Cộng	6.463.603.958	7.199.697.708

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình :

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN	THIẾT BỊ DỤNG CỤ QUẢN LÝ	CỘNG
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình					
Số dư đầu năm	25.609.315.827	10.119.214.913	8.461.961.855	1.309.301.726	45.499.794.321
Số tăng trong năm	26.400.000	481.806.901	198.857.144	98.633.636	805.697.681
- <i>Mua sắm mới</i>	26.400.000	481.806.901	198.857.144	98.633.636	805.697.681
- <i>Xây dựng mới</i>					-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>					-
- <i>Chuyển sang CCDC</i>					-
Số dư cuối năm	25.635.715.827	10.601.021.814	8.660.818.999	1.407.935.362	46.305.492.002
Giá trị đã hao mòn					
Số dư đầu năm	10.059.301.198	8.337.578.239	5.625.764.253	862.743.555	24.885.387.245
Khấu hao trong năm	1.593.840.814	970.967.801	671.708.116	168.286.588	3.404.803.319
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>					-
- <i>Chuyển sang CCDC</i>					-
Số dư cuối năm	11.653.142.012	9.308.546.040	6.297.472.369	1.031.030.143	28.290.190.564
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình					
Tại ngày đầu năm	15.550.014.629	1.781.636.674	2.836.197.602	446.558.171	20.614.407.076
Tại ngày cuối năm	13.982.573.815	1.292.475.774	2.363.346.630	376.905.219	18.015.301.438

Đơn vị tính : VND

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình :

Chỉ tiêu

**Quyền sử
dụng đất**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình

Số dư đầu năm

Số tăng trong năm

12.874.584.020

Số dư cuối năm

12.874.584.020

Giá trị đã hao mòn

Số dư đầu năm

Khấu hao trong năm

Khấu hao giảm trong năm

Số dư cuối năm

1.177.535.798

257.491.680

-

1.435.027.478

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình

Tại ngày đầu năm

Tại ngày cuối năm

11.697.048.222

11.439.556.542

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang :

31/12/2008

01/01/2008

- Xây dựng cơ bản dở dang

63.688.971.772

60.923.849.794

+ Dự án cửa hàng xăng dầu Bình Chánh

4.445.228.082

4.445.228.082

+ Dự án Tổng kho xăng dầu Nhơn Trạch - ĐN

18.168.475.283

16.345.745.117

+ Dự án cửa hàng xăng dầu CH 31

137.274.558

137.274.558

+ Dự án Cao ốc văn phòng và Trung tâm

40.129.328.097

39.118.016.981

Thương mại 549 Điện Biên Phủ

+ Đầu tư khác

808.665.752

877.585.056

- Mua sắm tài sản cố định

5.409.173.331

-

Cộng

69.098.145.103

60.923.849.794

9. Vay và nợ ngắn hạn :

31/12/2008

01/01/2008

Vay ngắn hạn

-

1.400.000.000

Vay dài hạn hạn đến hạn trả

-

-

Cộng

-

1.400.000.000

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước :

31/12/2008

01/01/2008

Thuế giá trị gia tăng

584.080.431

153.213.561

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

861.742.752

430.691.607

Thuế nhà đất

313.690.587

313.690.587

Thuế thu nhập cá nhân

1.499.729.879

-

Các khoản phải nộp khác

691.750.971

726.581.500

Cộng

3.950.994.620

1.624.177.255

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
11. Chi phí phải trả :		
Chi phí phải trả	178.570.000	123.750.000
Cộng	<u>178.570.000</u>	<u>123.750.000</u>
12. Các khoản phải trả, phải nộp khác :		
Kinh phí công đoàn	14.456.003	167.286.037
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	45.953.767	26.145.064
Nhựa đường OECF	1.763.893.577	1.763.893.577
Nộp tiền bán hàng ứng trước	-	601.580.316
Công ty Nạo vét và Xây dựng Đường thủy 1	874.326.200	874.326.200
Công ty TNHH TMDV VT Lộc Thành Tài ứng trước	1.036.080.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.061.096.075	1.588.114.896
Cộng	<u>5.795.805.622</u>	<u>5.021.346.090</u>
13. Vay dài hạn và nợ dài hạn :		
Vay dài hạn	6.105.195.518	7.152.288.374
- Vay ngân hàng	-	-
- Vay đối tượng khác (*)	6.105.195.518	7.152.288.374
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	<u>6.105.195.518</u>	<u>7.152.288.374</u>

Ghi chú : () Vay đối tượng khác là khoản tiền tài trợ của ESSO, công ty dùng để đầu tư tài sản và nâng cấp các trạm xăng dầu. Khoản tiền này được giảm hàng năm để tăng vốn theo công văn số 5565/UB-QLĐT ngày 24/12/1997 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh, và công văn số: 1765/CQL ngày 26/12/1996 của Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền tăng vốn tương ứng với khấu hao các tài sản đầu tư hàng năm.*

14. Vốn chủ sở hữu :

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu :

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU (*)	THẶNG DƯ' VỐN CỔ PHẦN	CỔ PHIẾU QUỸ (**)	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH	LN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI
Số dư đầu năm trước	34.000.000.000	13.050.900.039	4.393.630.000	4.601.830.100	19.621.340.863	2.018.975.750	10.142.287.222
<i>Lợi nhuận tăng trong năm</i>							<i>15.189.911.195</i>
<i>Phát hành thêm cổ phiếu</i>	<i>42.051.900.000</i>		<i>151.118.717.670</i>	<i>63.008.000</i>			
<i>Trích các quỹ từ lợi nhuận</i>					<i>4.277.931.000</i>	<i>614.670.000</i>	<i>(4.892.601.000)</i>
<i>Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>							<i>(1.179.340.000)</i>
<i>Chia cổ tức đợt 2/2006 (12%)</i>	<i>3.947.270.000</i>						<i>(3.947.270.000)</i>
<i>Chia cổ tức đợt 1/2007 (9%)</i>							<i>(2.961.081.000)</i>
<i>Thù lao HĐQT, BKS</i>							<i>(185.000.000)</i>
<i>Tăng khác,</i>		<i>1.047.092.856</i>		<i>2.360.000</i>			<i>61.923.778</i>
<i>Giảm khác</i>					<i>(61.923.778)</i>		
Số dư cuối năm trước	79.999.170.000	14.097.992.895	155.512.347.670	4.667.198.100	23.837.348.085	2.633.645.750	12.228.830.195
Số dư đầu năm nay	79.999.170.000	14.097.992.895	155.512.347.670	4.667.198.100	23.837.348.085	2.633.645.750	12.228.830.195
<i>Lợi nhuận tăng trong năm</i>							<i>19.453.395.938</i>
<i>Phát hành thêm cổ phiếu</i>	<i>6.120.830.000</i>		<i>2.525.226.464</i>				<i>(4.653.080.000)</i>
<i>Trích các quỹ từ lợi nhuận</i>					<i>4.757.263.195</i>	<i>759.496.000</i>	<i>(7.035.750.195)</i>
<i>Chia cổ tức năm 2008 (12%)</i>							<i>(10.011.600.000)</i>
<i>Tăng từ mua cổ phiếu quỹ</i>				<i>6.675.505.600</i>			
<i>Tăng từ nguồn tài trợ của ESSO</i>		<i>1.047.092.856</i>					
<i>Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2007 và 2008</i>							<i>(336.000.000)</i>
<i>Trích quỹ hoạt động của Ban TGD</i>							<i>(700.000.000)</i>
Số dư cuối năm nay	86.120.000.000	15.145.085.751	158.037.574.134	11.342.703.700	28.594.611.280	3.393.141.750	8.945.795.938

Ghi chú : (*) - Vốn khác của chủ sở hữu gồm nguồn quỹ đầu tư phát triển, nguồn tài trợ của ESSO.

(**) - Cổ phiếu quỹ của Công ty : Số lượng 286.093 cổ phiếu (tương đương 11.342.703.700 VND).

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2008	Tỷ lệ	01/01/2008	Tỷ lệ
- Vốn góp của Công ty TNHH một thành viên dầu khí Thành phố	16.786.700.000	19,49%	16.000.000.000	20,00%
- Vốn góp của các cổ đông khác	69.333.300.000	80,51%	63.999.170.000	80,00%
Cộng	86.120.000.000	100,00%	79.999.170.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :	31/12/2008	01/01/2008
Vốn đầu tư của chủ sở hữu :		
Vốn góp đầu năm	79.999.170.000	34.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	6.120.830.000	45.999.170.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	86.120.000.000	79.999.170.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	14.664.680.000	2.961.081.000

Ghi chú : (*) Cổ tức, lợi nhuận được chia năm nay gồm :
- Chia cổ tức năm trước bằng cổ phiếu : 4.653.080.000 đồng,
- Tạm chia cổ tức năm nay : 10.011.600.000 đồng.

d) Cổ phiếu :	31/12/2008	01/01/2008
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.612.000	7.999.917
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.612.000	7.999.917
- Cổ phiếu phổ thông	8.612.000	7.999.917
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	286.093	112.502
- Cổ phiếu phổ thông	286.093	112.502
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.325.907	7.887.415
- Cổ phiếu phổ thông	8.325.907	7.887.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Ghi chú : Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đồng (mười nghìn đồng)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính : VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :		
Doanh thu bán hàng	3.049.160.758.910	2.074.495.217.840
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.867.359.166	8.836.249.895
Doanh thu hợp đồng xây dựng	12.566.780.772	4.609.839.007
Cộng	<u>3.071.594.898.848</u>	<u>2.087.941.306.742</u>
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ :		
Doanh thu thuần bán hàng	3.049.160.758.910	2.074.495.217.840
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	9.867.359.166	8.836.249.895
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	12.566.780.772	4.609.839.007
Cộng	<u>3.071.594.898.848</u>	<u>2.087.941.306.742</u>
3. Giá vốn hàng bán :		
Giá vốn bán hàng	2.938.830.788.473	2.004.901.185.065
Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.372.863.095	6.598.795.830
Giá vốn hợp đồng xây dựng	12.044.177.920	4.293.762.810
Cộng	<u>2.958.247.829.488</u>	<u>2.015.793.743.705</u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính :		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.580.749.236	347.284.192
Lãi nợ quá hạn	19.610.184	-
Lãi bán cổ phiếu	60.840.000	234.000.000
Chênh lệch tỷ giá	10.523.878	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	2.305.141.390	68.160.000
Cộng	<u>10.976.864.688</u>	<u>649.444.192</u>
5. Chi phí tài chính :		
Chi phí lãi tiền vay	6.257.222	3.658.512.118
Chi phí dự phòng giảm giá cổ phiếu	18.172.104.600	-
Cộng	<u>18.178.361.822</u>	<u>3.658.512.118</u>

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành :

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác định với thuế suất là 28% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây :

Đơn vị tính : VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.136.891.437	17.651.591.621
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(2.267.264.656)	(68.160.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	37.876.734	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	2.305.141.390	68.160.000
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.305.141.390	68.160.000
Tổng thu nhập chịu thuế	23.869.626.781	17.583.431.621
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	2.461.680.426
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.683.495.499	2.461.680.426

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu :	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	19.453.395.938	15.189.911.195
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	19.453.395.938	15.189.911.195
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.302.429	4.638.701
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.343	3.275

Ghi chú : Cổ phiếu phát hành bình quân trong năm trước và năm nay đã được điều chỉnh hồi tố do phát hành cổ phiếu thưởng.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.115.407.909	7.175.105.491
Chi phí nhân công	41.230.345.496	22.826.914.810
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.662.294.999	2.989.238.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.100.924.523	8.749.151.139
Chi phí khác bằng tiền	12.273.176.640	10.415.953.291
Cộng	82.382.149.567	52.156.363.511

VII. THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh :

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2009
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Hoàng

Phạm Công Quyền

Trương Đức Hạnh

Phần 5

BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

I. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

- Tên đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).
- Địa chỉ : Số 29 Hoàng Sa, Quận 01, Tp.Hồ Chí Minh.
- Kiểm toán viên chính thức thực hiện : Nguyễn Minh Tiên.
- Công ty Kiểm toán trên đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2008 cho Công ty và không có ý loại trừ hoặc các nhận xét đặc biệt nào.

II. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Những hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2008 :

- Xem xét kế hoạch, các báo cáo tài chính của Công ty. Định kỳ kiểm tra các báo cáo : quý, năm để soát xét tính hợp lý, hợp pháp.
- Kiểm tra về tình hình sử dụng vốn, quản lý và bảo toàn vốn, hạch toán kế toán, luân chuyển chứng từ, xuất nhập vật tư, đầu tư xây dựng cơ bản, tạm ứng, công nợ.
- Cử người đại diện BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT.
- Đề xuất chọn đơn vị kiểm toán có uy tín, trung thực, giá cả hợp lý.
- Các cuộc họp được tổ chức một cách độc lập, minh bạch, trung thực theo đúng qui định, đúng thẩm quyền và trách nhiệm được giao.

2. Các ý kiến nhận xét của Ban Kiểm soát :

2.1. Về công tác kế toán – tài chính :

- Qua 8 năm cổ phần hóa, bên cạnh việc tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực và trang thiết bị cơ sở vật chất, ... công tác quản lý tài chính – kế toán của Công ty chính xác, kịp thời, hiệu quả, đúng pháp luật và đi vào kỹ năng xử lý các nghiệp vụ theo chuẩn mực. Vì vậy các số liệu kế toán được cập nhật nhanh chóng, trung thực chính xác, khoa học nên việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng theo qui định Nhà nước ban hành.

- Công ty thực hiện nghiêm túc các qui định như kê khai thuế đúng định kỳ, báo cáo tài chính quý, năm đúng thời gian, nộp ngân sách đầy đủ và kịp thời, thực hiện việc xác nhận đối chiếu công nợ đúng theo qui định.

- Công ty thực hiện tốt chế độ công bố thông tin định kỳ và thông tin tức thời theo qui định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

- Trong năm Ban Kiểm soát chưa phát hiện xảy ra trường hợp nào vi phạm các qui định nêu trong điều lệ. Không có phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, tới quyền và nghĩa vụ của cổ đông đã được qui định trong điều lệ hiện hành của Công ty, Luật Doanh nghiệp hay các luật khác.

- Các số liệu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính đã được HĐQT báo cáo trước Quý vị cổ đông là xác thực, đúng với kết quả đạt được của Công ty và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

2.2. Về hoạt động của HĐQT và TGD :

- Năm 2008, tình hình khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới cũng như trong nước đã tác động không nhỏ đến tình hình kinh doanh của COMECO, nhưng COMECO vẫn đạt được tốc độ phát triển kinh tế cao (25%/năm). Đạt được những kết quả như trên, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc COMECO đã có nhiều nỗ lực trong việc quản lý, điều hành, thu thập và xử lý, nắm bắt thông tin, dự báo tình hình để có những quyết định kinh doanh phù hợp, kịp thời nhạy bén để giảm thiểu rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và điều hành của Tổng Giám đốc đã thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và pháp luật Nhà nước. Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc quản lý Công ty một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi của cổ đông, Công ty và Nhà nước. Công tác quản lý chặt chẽ, hiệu quả, công khai minh bạch, vốn được bảo toàn và phát triển, tình hình tài chính lành mạnh. Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều đạt và vượt kế hoạch, có tốc độ tăng trưởng cao.

- Năm 2009, cuộc khủng hoảng tài chính thế giới và suy thoái kinh tế vẫn tiếp tục tác động xấu đến kinh tế nước ta nói chung và COMECO nói riêng, để có thể giữ và đạt được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2009 đòi hỏi HĐQT, Ban Tổng Giám đốc phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn, có các giải pháp phù hợp đưa Công ty vượt qua các khó khăn thử thách, đưa Công ty phát triển bền vững trên thương trường.

- Với sự góp sức và hỗ trợ của quý vị cổ đông đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, nhất định Công ty sẽ gặt hái được nhiều thành công trong năm 2009 đầy khó khăn và là tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ cho các năm tiếp theo.

Các nội dung và số liệu báo cáo của Ban Kiểm soát trước Quý vị cổ đông ngày hôm nay đã được thực hiện kiểm soát độc lập, theo đúng qui định, đúng thẩm quyền và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.

ỦY VIÊN

ỦY VIÊN

**BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Hữu Hoàng

Phạm Văn Khoa

Lê Khắc Hồng Lan

Phần 6 CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của Công ty : Không có
2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty nắm giữ : Không có
3. Thực hiện đầu tư vào các công ty có liên quan :

3.1. Đầu tư mua cổ phiếu :

BÁO CÁO ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2008

(Từ 01-02-2008 đến 31-12-2008)

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ CK	TÒN ĐẦU KỲ (cp)	MUA		BÁN		TÒN CUỐI KỲ	
				SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
1	Cty cp Dvụ Ô tô Hàng Xanh	HAX	0	2,000	29,400			2,000	29,400
2	Cty cp Cơ khí Lữ Gia	LGC	100,000	150,720	2,269,297			250,720	6,769,297
3	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	100,660	450	11,835			101,110	3,231,305
4	Cty cp Nhiên liệu Sài Gòn	SFC		5,000	176,800	5,000	237,640	0	
5	Cty cp Chứng khoán Sài Gòn	SSI	0	81,000	6,169,700			81,000	6,169,700
6	Cty cp Thương mại XNK Thủ Đức	TMC	33,266	97,610	3,269,583			130,876	4,749,965
7	Cty cp Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận		160,500	0	0			160,500	17,654,500
8	Cty cp Bến xe Miền Tây		44,300	0	0			44,300	775,250
9	Cty cp Cà phê Petec		42,000	1,800	18,000			43,800	444,000
10	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		100,000	0	0			100,000	1,000,000
11	Cty cp TM – KT và Đầu tư Petec – Hà Nam Ninh		26,990	0	0			26,990	272,599
12	Cty CpThương nghiệp Cà Mau		150,000	0	0			150,000	3,450,000
13	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)		0	160,000	1,600,000			160,000	1,600,000
	TỔNG CỘNG (I+II)		757,716	498,580	13,544,615	5,000	237,640	1,251,296	46,146,016

Ghi chú : - Cổ phiếu TMC tồn đầu gồm cổ phiếu mua trên sàn và cổ tức 6.816 cp

- Cách hạch toán khi bán cổ phiếu : + Giá vốn : giá mua cổ phiếu tính theo giá bình quân

+ Giá bán : giá thị trường tại thời điểm giao dịch

3.2 Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan :

- Các công ty niêm yết : Tình hình hoạt động của các công ty như HAX, LGC, PMS, SSI, TMC đều bình thường, kinh doanh có lãi, không có đơn vị nào nằm trong diện bị kiểm soát của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

- Các công ty chưa niêm yết : Tình hình hoạt động của các công ty còn lại đều bình thường, kinh doanh có lãi, chưa phát sinh những rủi ro lớn.

3.3. Tình hình dự phòng giảm giá chứng khoán :

BẢNG DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN TÍNH ĐẾN 31-12-2008

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ CK	SLCP MUA (cp)	CÓ TỨC BẢNG CP (cp)	TỔNG CP (cp)	ĐƠN GIÁ MUA BQ (đ/cp)	ĐƠN GIÁ 31/12/2008 (đ/cp)	CHÉNH LỆCH ĐƠN GIÁ (đ/cp)	GIÁ TRỊ CHÉNH LỆCH (1.000đ)
A	B	C	1	2	3 (1+2)	4	5	6 (5-4)	7 (3X6)
1	Cty cp Dịch vụ Ôtô Hàng Xanh	HAX	2,000		2,000	14,700	13,500	- 1,200	- 2,400
2	Cty cp Cơ khí Lữ Gia	LGC	250,720		250,720	26,999	22,900	- 4,099	- 1,027,809
3	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	101,110		101,110	31,958	19,000	- 12,958	- 1,310,215
4	Cty cp Chứng khoán SG	SSI	81,000		81,000	76,169	28,800	- 47,369	- 3,836,900
5	Cty cp Thương mại XNK Thủ Đức	TMC	124,060	6,816	130,876	36,294	21,900	- 14,394	- 1,883,781
6	Cty cp Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)		160,500		160,500	109,997	47,000	- 62,997	- 10,111,000
7	Cty cp Bến xe Miền Tây		44,300		44,300	17,500	17,500	0	0
8	Cty cp Cà phê Petec		42,000	1,800	43,800	10,137	10,137	0	0
9	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		100,000		100,000	10,000	10,000	0	0
10	Cty cp TM - KT và Đầu tư Petec - Hà Nam Ninh		26,990		26,990	10,100	10,100	0	0
11	Cty Thương nghiệp Cà Mau		150,000		150,000	23,000	23,000	0	0
12	Tổng cty Dầu VN (PVOil)		160,000		160,000	10,000	10,000	0	0
	TỔNG CỘNG		1,242,680	8,616	1,251,296	36,879			- 18,172,105

Ghi chú :

- Mệnh giá : 10.000 đ/cp.

- Cột 7 : Giá các loại cổ phiếu ngày 31/12/2008 được tính như sau :

+ Cổ phiếu đã niêm yết được lấy theo giá trên sàn giao dịch : cổ phiếu HAX, LGC, PMS, SSI, TMC.

+ Cổ phiếu chưa niêm yết nhưng có giao dịch trên sàn OTC được lấy theo giá OTC : cổ phiếu PNJ.

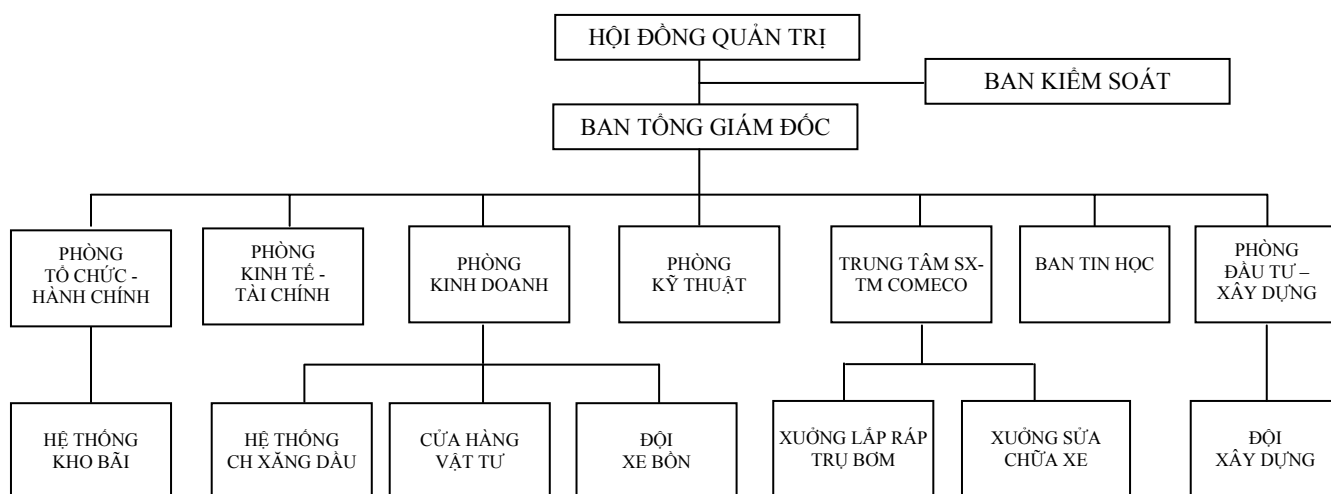
+ Cổ phiếu chưa niêm yết được lấy theo giá mua vào (đã số đều được mua với giá tương đối thấp): 6 cổ phiếu còn lại.

Phần 7 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

* Cơ cấu tổ chức của COMECO gồm :

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



HỆ THỐNG CHI NHÁNH CỬA HÀNG XĂNG DẦU (COMECO)

CHXD	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
CH số 1	Góc Lý Thái Tổ - Lê Hồng Phong, Phường 1, Quận 10, TP. HCM	38 359 704
CH số 3	178/9 M Điện Biên Phủ, Phường 21, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	38 994 332
CH số 4	46 Lê Quang Sung, Phường 2, Quận 6, TP. HCM	39 693 884
CH số 6	710 Hồng Bàng, Phường 1, Quận 11, TP. HCM	36 691 767
CH số 7	49 Trường Chinh, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. HCM	38 490 097
CH số 8	917 đường 3/2, Phường 7, Quận 11, TP. HCM	38 550 466
CH số 9	79 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, TP. HCM	38 645 289
CH số 10	Góc Trần Hưng Đạo-Ng. Cư Trinh, P. Ng. Cư Trinh, Quận 1, TP. HCM	38 367 509
CH số 11	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	35 114 907
CH số 12	572 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. HCM	38 756 890
CH số 13	413/13 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. HCM	37 711 091
CH số 14	450 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. HCM	38 750 029
CH số 15	526 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. HCM	38 750 038
CH số 16	442 Cách Mạng Tháng 8, Phường 11, Quận 3, TP. HCM	39 316 365
CH số 17	70 Bạch Đằng, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	38 990 983
CH số 18	42 - 44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP. HCM	38 291 339
CH số 19	16/6 Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP. HCM	37.731.020

CH số 20	Khu phố 4, ấp Xuân Trường, Phường Linh Xuân, (đối diện KCX Linh Trung)	Q.Thủ Đức, TP.HCM	37 240 479
CH số 21	12A Quang Trung, Phường 11,	Quận Gò Vấp, TP. HCM	39 968 014
CH số 22	17/5 Phan Huy Ích, Phường 12,	Quận Gò Vấp, TP. HCM	39 873 006
CH số 23	1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Sơn Kỳ,	Quận Tân Phú, TP. HCM	38 474 522
CH số 24	C2 Khu công nghiệp Đức Hòa I Hạnh Phúc, xã Đức Hòa Đông,	Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	072 3779 913
CH số 25	26 Hồ Học Lãm, Phường 16,	Quận 8, TP. HCM	37 523 952
CH số 26	17/3 Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân,	Huyện Nhà Bè, TP. HCM	37 828 493
CH số 27	3/40G Dương Công Khi, Nhị Tân 1, Tân Thới Nhì,	Hóc Môn, TP. HCM	37 132 961
CH số 30	22, Hương lộ 2, xã Phước Vĩnh An,	Huyện Củ Chi, TP. HCM	37 905 836
CH số 31	439 Phan Văn Trị, Phường 5,	Quận Gò Vấp, TP. HCM	39 854 761
CH số 32	209 Lý Thường Kiệt, Phường 7,	Quận 11, TP. HCM	39 557 925

II. TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC CÁ NHÂN TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty : Gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc

▪ **Bà Trương Đức Hạnh : Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc**

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị
- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 2/1981 đến nay.
- Thời gian giữ chức vụ TGD : Từ tháng 5/1999 đến nay.

▪ **Ông Huỳnh Nguyên Triệu : Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc**

- Cử nhân kinh tế
- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 2/1981 đến nay.
- Thời gian giữ chức vụ Phó TGD : Từ tháng 5/1999 đến nay.

▪ **Bà Trần Thị Hồng Linh : Phó Tổng Giám đốc.**

- Cử nhân Luật, cử nhân cao đẳng QTKD.
- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 3/1978 đến nay.
- Thời gian giữ chức vụ Phó TGD : Từ tháng 3/2007 đến nay.

III. SỐ LƯỢNG CB.CNV VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NLD

- Nguồn nhân lực luôn là tài sản quý giá nhất, COMECO có một đội ngũ 465 lao động có trình độ, lành nghề và tận tụy, trong đó nhiều cán bộ chủ chốt có bề dày gắn bó với Công ty. Chất lượng đội ngũ lao động của Công ty như sau :

TIÊU CHÍ	SỐ NGƯỜI	TỶ LỆ (%)
1. Tổng số lao động	465	
2. Trình độ văn hóa		
Trên đại học	03	0,60
Đại học	40	8,60
Cao đẳng	11	2,40
Trung cấp	21	4,50
Cấp III	304	65,40
Cấp II	86	18,50
3. Chính trị :		
Đảng viên	30	6,45
Đoàn viên thanh niên	92	19,78
Đoàn viên Công đoàn	404	86,88
4. Kinh nghiệm :		
NLĐ có từ 3 đến 5 năm kinh nghiệm	97	20,86
NLĐ có trên 5 năm kinh nghiệm	210	45,16
5. Độ tuổi :		
NLĐ có tuổi đời 30 tuổi trở xuống	231	49,68
NLĐ có tuổi đời từ 31 đến 40	96	20,65
NLĐ có tuổi đời từ 41 đến 50	60	12,90
NLĐ có tuổi đời từ 51 trở lên	78	16,77

- Công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế trả lương, thưởng cho người lao động, Quy chế này không những chỉ đảm bảo quyền lợi cho người lao động mà còn chú trọng đến chế độ đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút và phát triển nguồn nhân lực cho Công ty. Người lao động được hưởng đầy đủ (và trên mức) các chế độ đãi ngộ theo quy định của Nhà nước và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

- Đời sống người lao động được cải thiện, Thu nhập bình quân năm 2008 tăng 40% so với 2007; tiền cơm trưa tăng tối đa 23.000 đồng/người/ngày; các chế độ khác được đảm bảo cho người lao động.

- Điều kiện làm việc của người lao động được cải thiện và được tuân thủ theo quy định về phương tiện bảo hộ, an toàn, vệ sinh lao động. Thiết bị máy móc được đăng ký và kiểm định đúng tiêu chuẩn để đảm bảo an toàn.

- Công ty có chính sách khuyến khích công nhân viên nâng cao trình độ, trong năm 2008 Công ty đã đưa đi học Cao học, Đại học, Cao đẳng tại chức 27 người; đã đào tạo, bồi dưỡng khoảng trên 1.500 lượt người về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu, ISO cơ bản, đánh giá viên nội bộ, xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý môi trường, ...

- Ngoài sự quan tâm về vật chất, Công ty đã tổ chức cho toàn thể người lao động và thân nhân đi nghỉ dưỡng tại Phan Thiết và Vũng Tàu.

- Khen thưởng và trao học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho 80 cháu học sinh giỏi là con người lao động.

- Đối với thân nhân người lao động : ngoài việc thăm hỏi của Công đoàn, Công ty cũng có những chính sách quan tâm cụ thể được thể hiện trong Thỏa ước lao động tập thể như : thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, ...

IV. THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT, BAN TGD, BKS, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm 2008 Công ty không có sự thay đổi các thành viên trên.

Phần 8

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT, BKS :

* **Thành viên Hội đồng Quản trị gồm :** 5 người, trong đó có 3 thành viên độc lập không điều hành :

▪ **Bà Trương Đức Hạnh : Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc**

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị
- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 2/1981 đến nay.

▪ **Ông Huỳnh Nguyên Triệu : Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc**

- Cử nhân kinh tế
- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 2/1981 đến nay.

▪ **Ông Phạm Công Quyền : Ủy viên HĐQT – Giám đốc Tài chính.**

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kế toán, Cử nhân ngoại thương.
- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 6/1986 đến nay.

▪ **Ông Lê Tấn Thương : Ủy viên HĐQT – Giám đốc Kinh doanh.**

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân ngoại thương, Cử nhân QTKD, Cử nhân ngoại ngữ tiếng Anh.
- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 6/1993 đến nay.

▪ **Ông Đinh Viết Thắng : Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Kinh doanh.**

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân ngoại thương, Kỹ sư Công nghệ thông tin, Cử nhân ngoại ngữ tiếng Nga.
- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 4/1993 đến nay.

* **Ban Kiểm soát gồm :** 3 người đều là thành viên độc lập không điều hành :

▪ **Bà Lê Khắc Hồng Lan : Trưởng Ban Kiểm soát COMECO.**

- Cử nhân tài chính.
- Chuyên viên quản lý tài chính, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp, Sở Tài chính TP. HCM

▪ **Ông Nguyễn Hữu Hoàng : Ủy viên BKS - Phó Giám đốc Tài chính.**

- Cử nhân kế toán kiểm toán.
- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 12/2000 đến nay.

▪ **Ông Phạm Văn Khoa : Ủy viên Ban Kiểm soát - Giám đốc Đầu tư.**

- Kỹ sư xây dựng.
- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 7/1999 đến nay.

2. Hoạt động của HĐQT :

2.1. Hoạt động chung :

- Trong năm 2008, HĐQT Công ty (gồm 5 thành viên), với vai trò đại diện cho các cổ đông của COMECO đã làm việc nỗ lực để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đồng thời với nhiệm vụ định hướng, thiết lập các quy chế hoạt động và hỗ trợ; giám sát triển khai các chủ trương, quyết định của Công ty; kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành của Ban TGD. Cụ thể trong năm 2008 vừa qua, HĐQT COMECO đã tổ chức 12 phiên họp (không vắng mặt thành viên nào) để thảo luận và thông qua các nghị quyết quan trọng, chủ yếu như sau :

- + Thông qua mức chi phí tiền lương áp dụng trong Công ty năm 2008.
- + Thành lập Chi nhánh số 31 và đưa vào hoạt động.
- + Hồ sơ niêm yết bổ sung cổ phiếu COM.
- + Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng kỳ.
- + Đầu tư mua cổ phiếu của một số công ty.
- + Mua cổ phiếu quỹ COMECO.
- + Chi trả cổ tức năm 2008.
- + Tiến độ thực hiện của 2 dự án Cao ốc và Tổng kho Xăng dầu COMECO.
- + Đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- + Ban hành các quy chế, quy định quản lý Công ty.
- + Các báo cáo và tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- + Các nội dung khác có liên quan đến hoạt động của Công ty

- Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia của đại diện BKS Công ty và đều có Thư ký Công ty (bà Trần Thị Hồng Lĩnh – Phó Tổng Giám đốc Công ty) ghi biên bản chi tiết và Nghị quyết của cuộc họp, các Biên bản họp đều có chữ ký của các thành viên HĐQT.

- Nghị quyết của HĐQT được phân công và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên chịu trách nhiệm thực hiện và quản lý mảng công việc được phân công.

- Quy định rõ các chế độ thông tin, báo cáo và chế độ trách nhiệm đối với từng thành viên.

2.2. Giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc :

- Các hoạt động của COMECO được đảm bảo an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, tạo tiền đề cho việc phát triển bền vững. Để làm được việc này, ngoài việc mở rộng và phát triển các mặt hoạt động SXKD, duy trì tốc độ tăng trưởng thì vấn đề quản trị rủi ro là một trong những nội dung quan trọng được tập trung quán triệt từ HĐQT, BKS, Ban TGD đến từng đơn vị.

- Để nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro, HĐQT Công ty đã chủ động triển khai đồng thời việc quy chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị với việc tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy trình của quy chế này trong các mặt hoạt động của Công ty.

- Các hoạt động của TGD Công ty ngoài việc chịu sự giám sát của HĐQT còn có sự giám sát chặt chẽ của BKS Công ty, Ban kiểm soát nội bộ và các bộ phận quản lý khác nhằm kịp thời phát hiện và khắc phục những điểm yếu, đảm bảo cho sự phát triển liên tục của Công ty. TGD đã thực hiện đúng theo Nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và pháp luật Nhà nước.

2.3. Giám sát hoạt động của các cán bộ quản lý Công ty :

Cán bộ quản lý Công ty gồm có các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.

- Các cán bộ quản lý Công ty hoạt động theo sự phân công và ủy quyền của HĐQT và TGD. HĐQT kiểm soát theo kết quả công việc được phân công.

- Việc kiểm tra định kỳ, đột xuất đã được Ban lãnh đạo, Giám đốc các bộ phận, Trưởng các Chi nhánh trực thuộc tiến hành nghiêm túc nên đã không để xảy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí cũng như các rủi ro tác nghiệp

3. Hoạt động của BKS :

- Ban Kiểm soát của Công ty thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, có quyền tiếp cận đến tất cả các thông tin và tài liệu có liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Trong suốt quá trình hoạt động BKS luôn nhận được sự thuận lợi trong việc cung cấp thông tin của các thành viên HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản lý Công ty; ngoài ra còn được sự hỗ trợ tích cực của Ban Kiểm soát nội bộ Công ty.

- Ban Kiểm soát họp 3 lần.

- Thực hiện việc giám sát các hoạt động của Công ty một cách hiệu quả và thực hiện đầy đủ các báo cáo theo yêu cầu của cổ đông

4. Phối hợp hoạt động của HĐQT, BKS, Ban TGD :

- HĐQT, BKS và Ban TGD Công ty cùng hành động vì mục tiêu chung là sự ổn định và phát triển của Công ty.

- Trong các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia của BKS, Ban TGD. Các ý kiến thảo luận của BKS, Ban TGD đều được ghi nhận và đánh giá cao tinh thần góp ý cho các hoạt động của Công ty.

- Những nội dung Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến hoạt động của BKS và điều hành của Ban TGD được gửi đến BKS và Ban TGD để cùng phối hợp thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS và Ban TGD có quyền và có trách nhiệm đề xuất với HĐQT những giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Ban TGD thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty kịp thời cho HĐQT ra các Nghị quyết thực hiện hiệu quả.

5. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực : Cử các thành viên HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản lý của Công ty tham gia các khóa học về quản trị, CEO, CFO,... do các trường trong nước hoặc các chuyên gia nước ngoài giảng dạy để nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp cận với các kiểu quản lý hiện đại trên thế giới; Công ty cũng có thể thuê chuyên gia cao cấp trong nước hoặc nước ngoài.

- Sắp xếp bộ máy quản lý theo hướng vừa linh hoạt vừa chuyên sâu để vừa đảm bảo tính chuyên nghiệp vừa thuận lợi trong sử dụng lao động.

- Hoàn thiện quy trình quản trị Công ty theo các mô hình quản trị tiên tiến

- Cải tiến liên tục và áp dụng tích hợp Hệ thống Quản lý Chất lượng với 7 tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Việt Nam vào mô hình quản lý của COMECO.

- Có các chính sách giữ và thu hút lao động chất xám, lao động kinh nghiệm một cách hiệu quả như đãi ngộ về tiền lương, thưởng; thưởng cổ phiếu ESOP, mua bảo hiểm nhân thọ; trợ cấp khi khó khăn,...

6. Thù lao cho HĐQT và BKS :

Đại hội Đồng cổ Đông Công ty ngày 25-4-2008 đã thông qua Nghị quyết về việc trả thù lao cho HĐQT và thù lao cho Ban Kiểm soát năm 2008 là : 1,5%/lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2008, nhưng tối thiểu không thấp hơn 168 triệu đồng/năm.

Do đó, năm 2008 đã thực hiện chi thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát như sau :

- Thù lao cho HĐQT : 214.800.000 đ (BQ : 3,5 triệu đồng/người/tháng)

- Thù lao cho Ban Kiểm soát : 76.800.000 đ (BQ : 2,1 triệu đồng/người/tháng)

Tổng cộng năm 2008 : 291.600.000 đ.

7. Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty : 9/9 người.

8. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT :

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT, BAN TGD, BAN KS VÀ NHỮNG NGƯỜI LIÊN QUAN SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SLCP	NGƯỜI LIÊN QUAN	SLCP	TC SLCP	%/VDL
1	2	3	4	5	6	7 (4+6)	8
I	Hội Đồng Quản Trị		242.065		457,890	699,955	8.13%
1	Trương Đức Hạnh	CT HĐQT - TGD	63.390	Em : Trương Đức Phụng	222.730	286.120	3.32%
2	Huỳnh Nguyên Triệu	UV HĐQT - Phó TGD	73.370	Vợ : Nguyễn Thị Lùng	176.650	250.020	2.90%
5	Phạm Công Quyền	UV HĐQT - GĐTC	47.865	Vợ : Vũ Bích Ngọc	23.780	71.645	0.83%
6	Lê Tấn Thương	UV HĐQT - GĐKD	30.730	Vợ : Dương Thị Đài Trang	23.800	54.530	0.63%
7	Đình Viết Thắng	UV HĐQT – Phó GĐKD	26.710	Vợ : Bùi Thu Hạnh	10.930	37.640	0.44%
II	Ban Tổng Giám Đốc		39.020		11.570	50.590	0.59%
1	Trần Thị Hồng Linh	Phó TGD	39.020	Con : Trần Thị Tố Như	4.560	50.590	0.59%
				Em : Trần Thị Thanh Nam	7.010		
	CỘNG (I+II)		281.085		469.460	750.545	8.72%
III	Ban Kiểm Soát		27.400		180	27.580	0.32%
1	Lê Khắc Hồng Lan	Trưởng BKS	8.660			8.660	0.10%
2	Phạm Văn Khoa	UV BKS - GĐĐT	11.170	Vợ : Lê Thị Hồng Anh	180	11.350	0.13%
3	Nguyễn Hữu Hoàng	UV BKS - Phó GĐTC	7.570			7.570	0.09%
	TỔNG CỘNG (I+II+III)		269.465		458.070	778.125	9.04%

9. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS và người liên quan :

BÁO CÁO THỰC HIỆN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU COM

ĐVTính : cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	TỶ ĐẦU KỲ (01/01/2008)	PHÁT SINH TRONG NĂM 2008		TỶ CUỐI KỲ (31/12/2008)
				TĂNG	GIẢM	
A	B	C	1	2	3	4 (1+2+3)
I	Hội Đồng Quản Trị		626.810	86.365	13.220	699.955
1	Trương Đức Hạnh	CT HĐQT - TGD	44.410	18.980		63.390
	Em : Trương Đức Phương		210.130	12.600		222.730
2	Huỳnh Nguyên Triệu	UV HĐQT - Phó TGD	60.230	13.140		73.370
	Vợ : Nguyễn Thị Lùng		166.660	10.840	850	176.650
3	Phạm Công Quyền	UV HĐQT - GĐTC	37.100	10.765		47.865
	Vợ : Vũ Bích Ngọc		23.290	1.390	900	23.780
4	Lê Tấn Thương	UV HĐQT - GĐKD	21.860	8.870		30.730
	Vợ : Dương Thị Đài Trang		33.280	1.990	11.470	23.800
5	Đình Việt Thắng	UV HĐQT - Phó GĐKD	19.530	7.180		26.710
	Vợ : Bùi Thu Hạnh		10.320	610		10.930
II	Ban TGD		37.100	13.490	0	50.590
1	Trần Thị Hồng Lĩnh	Phó TGD	28.310	10.710		39.020
	Con : Trần Thị Tố Như		3.650	910		4.560
	Em : Trần Thị Thanh Nam		5.140	1.870		7.010
	CỘNG (I+II)		663.910	99.855	13.220	750.545
III	Ban Kiểm Soát		20.820	10.860	4.100	27.580
1	Lê Khắc Hồng Lan	Trưởng BKS	8.170	490		8.660
2	Phạm Văn Khoa	UV BKS - GĐĐT	6.490	5.780	1.100	11.170
	Vợ : Lê Thị Hồng Anh		3.000	180	3.000	180
3	Nguyễn Hữu Hoàng	UV BKS - Phó GĐTC	3.160	4.410		7.570
	TỔNG CỘNG (I+II+III)		684.730	110.715	17.320	778.125

10. Thông tin về các giao dịch của cổ đông lớn :

DANH SÁCH 9 CỔ ĐÔNG LỚN (Tại thời điểm 20-02-2009)

SỐ TT	TÊN CỔ ĐÔNG LỚN	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH	CÓ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 17/03/2008 (*)		MUA BÁN TRONG KỶ (cp)	CÓ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 20/02/2009 (**)	
				SL (cp)	TL (%)		SL (cp)	TL (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Cty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.HCM (Saigon Petro)	27 Nguyễn Thông, Q.3, Tp.HCM	Dầu khí	1.395.050	17.44%	283.620	1.678.670	19.49%
2	Tổng Công ty Dầu Việt Nam Công ty TNHH Một thành viên (PVOil)	Lầu 14-17 số 1-5 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM	Dầu khí	925.480	11.57%	546.510	1.471.990	17.09%
3	Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn (SAMCO)	262 - 264 Trần Hưng Đạo, Q.1, Tp.HCM	Công nghiệp, Vận tải, ... (đa ngành)	503.060	6.29%	30.170	533.230	6.19%
4	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, Tp.HCM	Ngân hàng	521.070	6.51%	-74.620	446.450	5.18%
5	Cty cp Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	72 Nguyễn Huệ, Q.1, Tp.HCM	Chứng khoán	400.000	5.00%	0	400.000	4.64%
6	Cty Thương mại Kỹ Thuật & Đầu tư (Petec)	194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, Tp.HCM	Dầu khí	275.020	3.44%	16.500	291.520	3.39%
7	Bà Trương Đức Hạnh và người có liên quan	11 Cao Bá Nha, Q.1, Tp.HCM	CT HĐQT - TGD COMECO	254.540	3.18%	31.580	286.120	3.32%
8	Ông Huỳnh Nguyên Triệu và người có liên quan	189B Lạc Long Quân, Q.10, Tp.HCM	UV HĐQT - P.TGD COMECO	226.890	2.84%	23.130	250.020	2.90%
9	Ông Châu Văn Phương	650/26 Điện Biên Phủ, Q.10, Tp.HCM	Trưởng chi nhánh 21 COMECO	130.200	1.63%	8.410	138.610	1.61%
TỔNG CỘNG				4.631.310	57.89%	865.300	5.496.610	63.83%

Ghi chú : * Tại 17/03/2008 là thời điểm chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2007 VDL : 79.999.170.000 đ

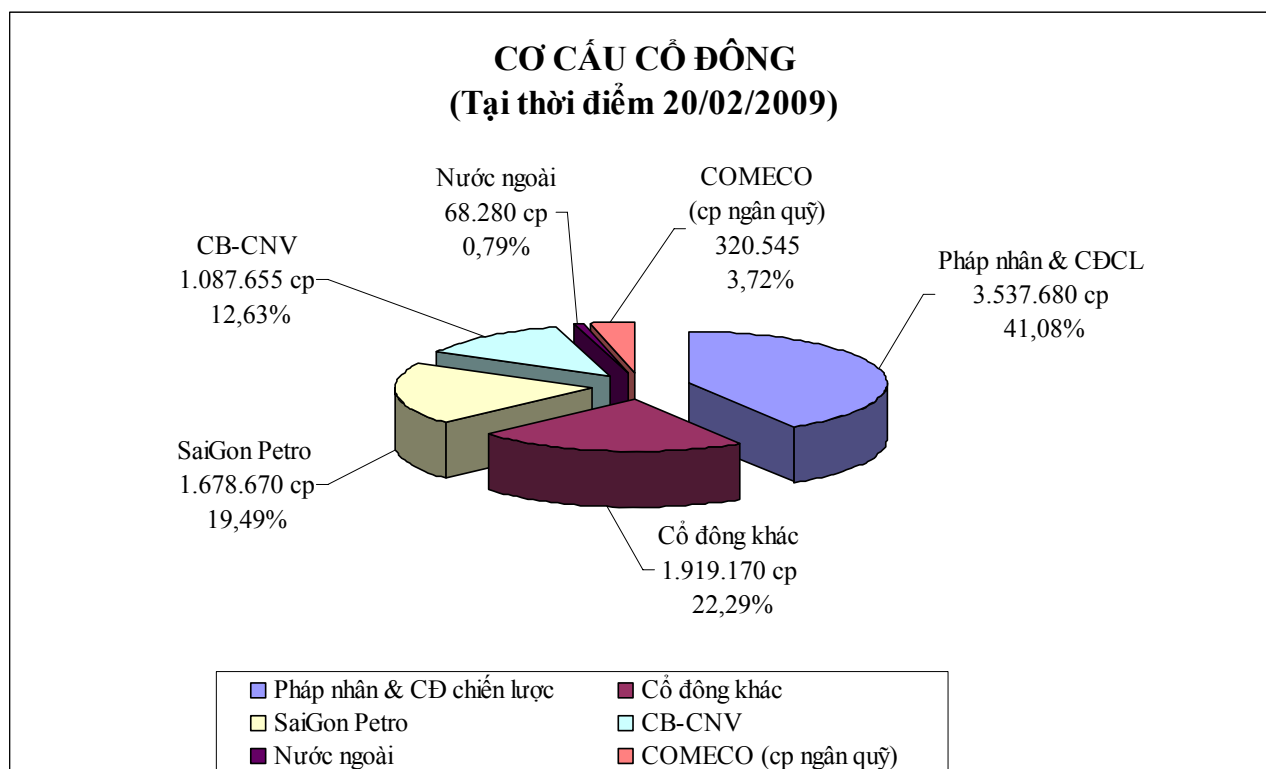
** Tại 20/02/2008 là thời điểm chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2008. VDL : 86.120.000.000 đ.

II. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông trong nước và nước ngoài :

TT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CĐ	SL CỔ PHẦN (cp)	TL/VĐL (%)
I	Cổ đông trong nước		8.543.720	99.21
1	Pháp nhân	18	5.536.895	64.29
2	Cá nhân	864	3.006.825	34.91
II	Cổ đông nước ngoài		68.280	0.79
1	Pháp nhân	3	6.960	0.08
2	Cá nhân	103	61.320	0.71
	TỔNG CỘNG (I+II)		8.612.000	100.00

2. Cơ cấu cổ đông :



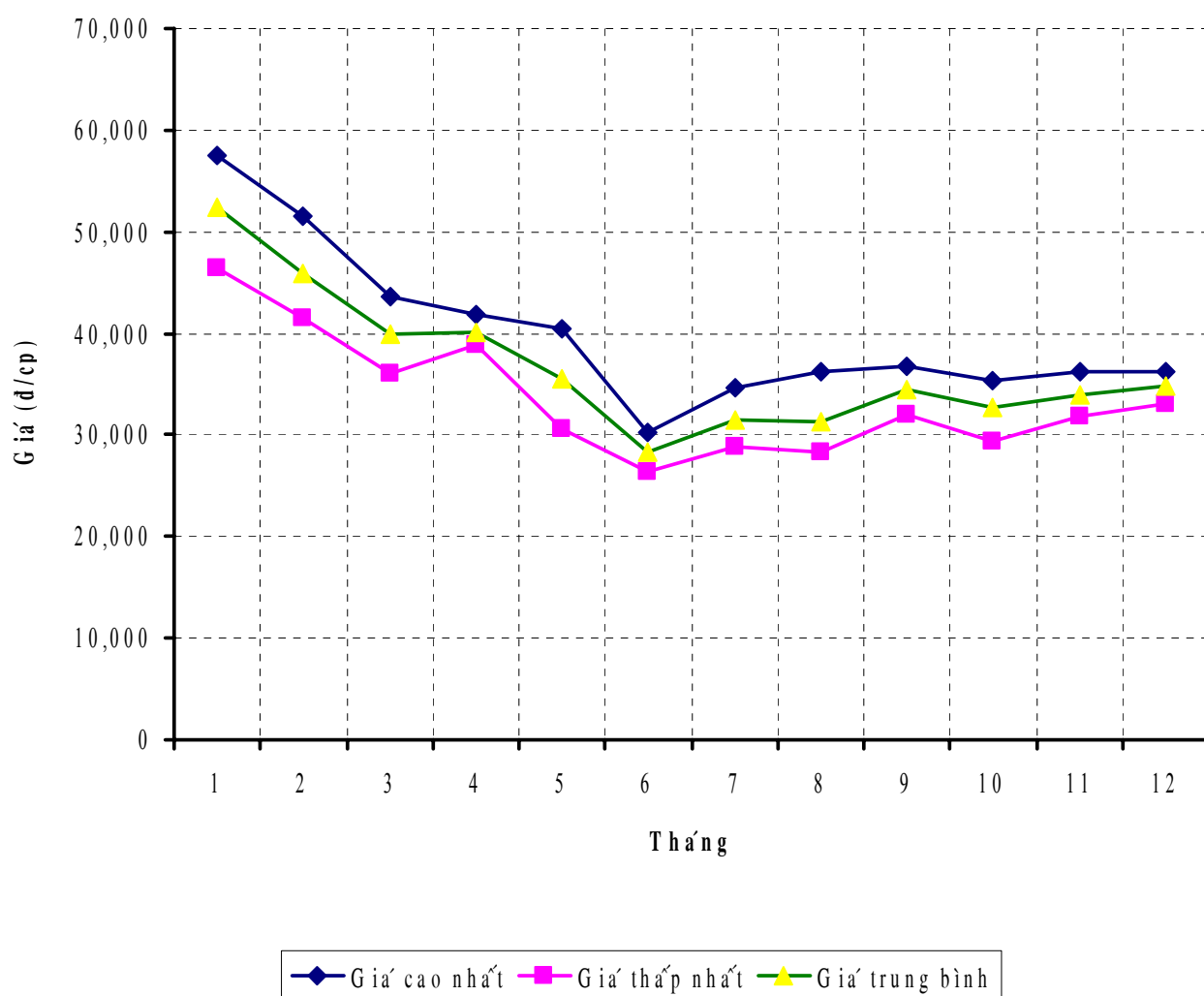
III. DIỄN BIẾN GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2008

BẢNG GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2008

ĐVTính : đ/cp

MỨC ĐỘ	TH 01	TH 02	TH 03	TH 04	TH 05	TH 06	TH 07	TH 08	TH 09	TH 10	TH 11	TH 12	CẢ NĂM
Cao nhất	57.500	51.500	43.600	41.900	40.500	30.300	34.700	36.200	36.700	35.400	36.200	36.300	57.500
Thấp nhất	46.500	41.500	36.100	38.900	30.600	26.400	28.800	28.300	32.000	29.400	31.900	33.000	26.400
Trung bình	52.357	45.980	39.926	40.106	35.487	28.362	31.521	31.286	34.521	32.700	33.884	34.810	36.745

ĐỒ THỊ GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2008



IV. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI CỦA COMECO TRONG NĂM 2008

1. Đối với cộng đồng và xã hội :

Thái độ của COMECO đối với cộng đồng và xã hội là :

“Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng”.

Với ý thức trách nhiệm trên, trong quá trình hoạt động COMECO luôn xem việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, chăm lo cho các gia đình chính sách và chia sẻ nỗi đau với các nạn nhân là trách nhiệm và lẽ sống của mình. Ngoài việc thăm hỏi, năm 2008 COMECO còn đóng góp tổng số tiền : **501.450.000** đồng để thực hiện các nội dung như : Xây tặng nhà tình nghĩa; nhà tình thương; ủng hộ quỹ khuyến học, quỹ vì người nghèo; giúp đỡ đồng bào thiên tai bão lụt, hỏa hoạn; tiếp sức học sinh, sinh viên đến trường; ủng hộ đồng bào nghèo ăn Tết, ...

2. Đối với khách hàng và đối tác :

Thái độ của COMECO đối với khách hàng là :

“Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win win”.

Với phương châm kinh doanh “COMECO vì khách hàng phục vụ”, COMECO luôn duy trì sự hợp tác, liên doanh, liên kết trên nguyên tắc thiện chí, tôn trọng lợi ích của các bên tham gia.

3. Đối với cổ đông và nhà đầu tư :

Là sự ổn định gắn bó lâu dài với thái độ : **“Tin cậy - Công khai - Minh bạch”.**

4. Đối với công nhân viên :

COMECO luôn xem người lao động là vốn quý, là tài sản của doanh nghiệp, các chế độ đối với NLĐ được thực hiện đầy đủ theo quy định. Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm cải tiến chính sách về vật chất và tinh thần đối với người lao động.

Khuyến khích, động viên NLĐ tham gia học tập theo định hướng của nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty.

Luôn tạo môi trường làm việc bình đẳng, gắn kết, thể hiện :

“Bản sắc nhân văn - đề cao giá trị đạo đức truyền thống”;

Và triết lý kinh doanh :

“Đại gia đình COMECO - Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung”.

TP. HCM, ngày tháng 4 năm 2009

CHỦ TỊCH HĐQT – TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Đức Hạnh

GIẤY ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP TÀI LIỆU

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2009

Kính gửi : Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)

Tôi/ chúng tôi là (1) :.....

Địa chỉ :.....

.....

Số điện thoại :..... Fax :.....

Email :.....

Số cổ phần nắm giữ :.....

Kính đề nghị Quý Công ty gửi cho tôi/chúng tôi các tài liệu, báo cáo sau :

STT	TÊN TÀI LIỆU (2)	YÊU CẦU(3)	GHI CHÚ
1	Điều lệ Công ty		
2		

Theo địa chỉ sau (4)

Số nhà, Đường, Phường (Xã), Quận (Huyện) :.....

Tỉnh/Thành phố :.....

Quốc gia :.....

Trân trọng cảm ơn.

Người yêu cầu
(Ký, ghi rõ họ tên)

1. Quý cổ đông ghi họ tên, chức danh, cơ quan, tổ chức (nếu có)
2. Quý cổ đông ghi các tài liệu theo yêu cầu
3. Quý cổ đông vui lòng đánh dấu (x) vào tài liệu yêu cầu
4. Địa chỉ để quý cổ đông nhận được thư/Bưu kiện gửi bảo đảm theo đường bưu điện.